



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

19/05/2025 – 23/05/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Nhịp điều chỉnh kỹ thuật

- Chứng khoán thế giới đồng loạt tăng điểm trong tuần vừa qua, nối tiếp đà tăng ở tuần trước khi Mỹ và Trung Quốc nhất trí giảm thuế quan đối ứng cho nhau về 10% trong vòng 90 ngày. Thỏa thuận tốt hơn dự báo này có vẻ đã giúp hai nền kinh tế lớn nhất thế giới ngăn chặn sự sụt giảm trước mắt của hoạt động kinh tế và nguy cơ lạm phát tăng vọt. S&P 500 và Nasdaq hồi lần lượt 23,3% và 29,7%, chỉ còn cách đỉnh thời đại 3% - 4%.
- Giới đầu tư cũng đang hy vọng tình hình thương mại sẽ trở nên rõ ràng hơn trong những tuần tới. Phát biểu ngày thứ Sáu (16/5), Tổng thống Donald Trump nói chính quyền ông sẽ gửi thư tới nhiều quốc gia để công bố chi tiết mức thuế quan mới của Mỹ đối với hàng hóa từ mỗi nước, có thể trong 2-3 tuần tới. Tổng thống Donald Trump đã bày tỏ sẵn sàng đến Trung Quốc để đối thoại trực tiếp với Chủ tịch Tập Cận Bình về các vấn đề then chốt giữa hai cường quốc.
- Ở thị trường hàng hóa, Giá vàng thế giới vừa có tuần giảm (-4,7%), mạnh nhất nửa năm nhưng kim loại quý này vẫn có mức tăng 20,68% kể từ đầu năm. Giá dầu tăng 2 tuần liên tiếp, phục hồi 10% từ đáy, bên cạnh đó giá cước Container tăng 10% trong tuần vừa qua khi lượng đặt chỗ container từ Trung Quốc đến Mỹ đã tăng vọt gần 300% sau khi hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đồng ý giảm mạnh thuế quan đối ứng.
- Thị trường trong nước lấy lại gần hết số điểm đã mất kể từ đầu tháng 4 sau 2 tuần tăng liên tiếp (tổng cộng 75 điểm). Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.301,39 điểm, tăng +34,09 điểm, tương đương tăng +2,69% so với tuần trước, có thời điểm chỉ số này đạt ngưỡng cao nhất 1.316,53 điểm, tức hồi gần 90 điểm từ mức thấp nhất trong vòng 2 tuần. Nhóm cổ phiếu Bluechips (VN30) có mức phục hồi tốt nhất, tăng +2,38%, trong khi nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) và nhóm cổ phiếu trung bình (Midcap) có mức tăng lần lượt +1,24% và +2,16%.
- Mặt bằng cổ phiếu phục hồi trên diện rộng, một số nhóm cổ phiếu có sức bật tốt trong tuần vừa qua: Bán lẻ (+4,71%), BĐS KCN (+4,71%), Ngân hàng (+4,18%), Công nghệ (+4,16%), ... Trong khi nhóm Vingorup giảm với VHM giảm -6,75% và VRE (-2%).
- Khối ngoại mua ròng +2.881 tỷ đồng, đánh dấu tuần mua ròng thứ 2 liên tiếp và đây cũng tháng đầu tiên mua ròng (+4.181 tỷ đồng) kể từ tháng 1/2024. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại vẫn bán ròng -37.995 tỷ đồng. Một số cổ phiếu được khối ngoại mua ròng đáng chú ý như: MBB (+1.087 tỷ đồng), MWG (+893 tỷ đồng), FPT (+222 tỷ đồng), v.v... trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại mua ròng MWG (+1.487 tỷ đồng), MBB (+1.416 tỷ đồng), HPG (+744 tỷ đồng), ...

Nhịp điều chỉnh kỹ thuật

- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua tăng lên mức 26.412 tỷ đồng, tăng +36,6% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng vọt +36,5% lên 23.430 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 4 đạt 25.571 tỷ đồng, tăng +12,4% so với tháng 3 và tăng +4,8% so với cùng kỳ, thanh khoản nửa đầu tháng 5 còn 22.876 tỷ đồng, giảm -10,5% so với tháng 4 và sụt -8,7% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 20.375 tỷ đồng, giảm -16% so với cùng kỳ và sụt -3,35% so với mức bình quân năm 2024.
- Thanh khoản toàn thị trường tăng mạnh đẩy dòng tiền chảy vào một số nhóm cổ phiếu như: Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ, Xây dựng và VLXD, Thủy sản.
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 13,09 lần, thấp 1 độ lệch chuẩn (13,45) và thấp hơn giai đoạn đầu tháng 4 (14,62) khi ở vùng mức giá, bên cạnh đó thị trường đang ở mức định giá thấp hơn trung bình lịch sử (16,82), là cơ hội tiềm năng cho nhà đầu tư dài hạn.
- Nhận định thị trường: Thị trường chứng khoán Mỹ cũng như thế giới nhiều khả năng sẽ gặp rủi ro và biến động mạnh ngay phiên đầu tuần này sau khi Moody's đã hạ xếp hạng tín dụng quốc gia của Mỹ từ Aaa xuống Aa1 vào ngày 16/05/2025, với lý do thâm hụt ngân sách liên bang gia tăng và chi phí đáo hạn nợ cao. Việc Hạ cấp tín dụng làm tăng chi phí vay của chính phủ Mỹ, đẩy lợi suất trái phiếu lên cao (như đã thấy, lợi suất kỳ hạn 10 năm đã quay lại ngưỡng 4,5%). Điều này gây áp lực lên định giá cổ phiếu, đặc biệt là các cổ phiếu tăng trưởng (công nghệ, truyền thông). Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index đã có 2 tuần tăng mạnh, phục hồi hoàn toàn thiệt hại trong nhịp giảm kể từ đầu tháng 4 sau mức tăng 75 điểm (theo giá đóng cửa) và gần 90 điểm kể từ mức thấp đến mức cao nhất (1.316 điểm) trong tuần vừa qua. Động lực giúp thị trường phục hồi mạnh mẽ đến từ thỏa thuận thương mại Mỹ – Trung về thuế đối ứng về 10%, bên cạnh đó là dòng vốn ngoại quay trở lại mua ròng lần đầu tiên kể từ tháng 1/2024. Mạch thông chỉ phối thị trường lúc này có phần bất lợi ở bên ngoài khi 1) thuế quan đối với các quốc gia sẽ được ấn định trong 2-3 tuần tới, trong đó có Việt Nam và 2) tác động từ thị trường chứng khoán thế giới sau khi Moody's hạ cấp tín dụng Mỹ. Trong khi các thông tin trong nước tác động đến thị trường lúc này nhìn chung tích cực: Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, khối ngoại quay trở lại mua ròng, thanh khoản duy trì gần ngưỡng tỷ USD, định giá thị trường hấp dẫn, v.v... Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index đã hồi hơn 22% kể từ đáy, vượt qua các ngưỡng trung bình quan trọng như MA200, MA100, MA50, ... hiện thị trường đang gặp vùng kháng cự mạnh khu vực 1.320 – 1.340 điểm và hiệu suất ở các nhóm cổ phiếu trong vòng 1 tháng vừa qua hấp dẫn, do vậy hoạt động thực hiện hóa lợi nhuận có thể mạnh hơn trong tuần này. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi cho rằng thị trường có nhịp điều chỉnh để kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.265 – 1.270 điểm, kịch bản tích cực nhất khi mức thuế đối ứng được công bố nằm trong vùng kỳ vọng, chỉ số Vn-Index hoàn toàn có thể quay lại ngưỡng 1.340 điểm, kịch bản thận trọng nhất xảy ra khi chứng khoán toàn cầu phản ứng tiêu cực với sau khi Moody's, Vn-Index có thể lùi về vùng 1.240 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Thị trường tuần tới có thể đầy thách thức nhưng cũng là cơ hội cho nhà đầu tư kiên nhẫn và có chiến lược rõ ràng. Giảm bớt tỷ trọng cổ phiếu để tận dụng cơ hội khi thị trường điều chỉnh, tập trung cho nhóm cổ phiếu phòng thủ (Sản xuất và phân phối điện), nhóm cổ phiếu phục vụ nhu cầu nội địa (Đầu tư công), v.v...

Các sự kiện chính trong tuần này (19/05 – 23/05)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
19  Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 4)  Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 4)	20  Trung Quốc: Quyết định về lãi suất cho vay cơ bản của PBOC  Úc: Quyết định lãi suất của RBA  Canada: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 4)	21  Anh: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 4)	22  Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Mỹ: Doanh số bán nhà hiện tại (tháng 4)  Mỹ: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 5)  Châu Âu: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 5)  Anh: Chỉ số PMI sơ bộ (tháng 5)	23  Nhật Bản: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 4)  Mỹ: Doanh số bán nhà mới (tháng 4)  Đức: Tăng trưởng GDP (Q1)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	880.62	3.97%	10.99%	4.67%	10.78%
Dow Jones	42,654.74	3.41%	8.97%	0.26%	6.63%
S&P 500	5,958.38	5.27%	12.79%	1.30%	12.35%
Europe	549.26	2.10%	8.46%	8.20%	5.03%
Japanese	37,753.72	0.67%	8.71%	-5.37%	-2.66%
Korea	2,626.87	1.92%	5.78%	9.48%	-3.59%
China	3,367.46	0.76%	2.77%	0.47%	6.77%
HongKong	23,345.05	2.09%	9.11%	16.38%	19.39%
Taiwan	21,843.69	4.44%	12.63%	-5.17%	2.75%
Indian	25,019.80	4.21%	4.90%	5.82%	11.19%
Singapore	3,897.87	0.56%	4.77%	2.91%	17.64%
Malaysia	1,571.75	1.63%	4.83%	-4.30%	-2.78%
Indonesia	7,106.53	4.01%	10.38%	0.38%	-2.88%
Thailand	1,195.77	-1.25%	3.89%	-14.60%	-13.52%
Philippine	6,465.53	0.11%	5.39%	-0.97%	-2.31%
Vietnam	1,301.39	2.69%	6.75%	2.73%	2.22%
Brent Oil	65.41	2.35%	-3.75%	-12.37%	-22.11%
Crude Oil WTI	62.49	2.41%	-3.39%	-12.29%	-21.48%
Gold	3,187.20	-4.69%	-4.24%	20.68%	31.84%
S&P 500 VIX	17.24	-21.28%	-41.85%	-0.63%	43.79%
Dollar Index	100.95	0.78%	1.84%	-6.78%	-3.24%
U.S. 10Y	4.44	1.41%	2.57%	-2.82%	0.48%
U.S. 2Y	3.99	2.65%	5.05%	-5.79%	-17.31%

Nguồn: Update 18/05, Investing, MBS Research

- Thị trường chứng khoán Mỹ khép lại một tuần tăng điểm mạnh bất chấp số liệu ảm đạm về niềm tin người tiêu dùng và kỳ vọng lạm phát. Cả tuần, S&P 500 tăng 5,3%, Dow Jones tăng 3,4% và Nasdaq tăng 7,2%. Với thành quả này, cả ba chỉ số đều đã chuyển sang trạng thái tăng tính từ đầu năm. Niềm tin vào triển vọng ngắn hạn của giá cổ phiếu ở Phố Wall đã khởi sắc mạnh mẽ trong tuần này, sau khi Mỹ và Trung Quốc tuyên bố hạ thuế quan đối ứng cho nhau về 10% trong vòng 90 ngày.
- Số liệu kinh tế vĩ mô công bố ngày thứ Năm (15/5) tuần vừa qua tiếp tục cho thấy xu hướng giảm của lạm phát tiếp tục trong tháng 4. Tuy vậy, người tiêu dùng hiện đang kỳ vọng lạm phát sẽ tăng lên 7,3% trong 12 tháng tới, mức cao nhất trong 44 năm.
- Moody's đã hạ xếp hạng nợ của Mỹ, tước bỏ xếp hạng tín nhiệm cao nhất cuối cùng của quốc gia này. Đây là động thái có thể làm rung chuyển thị trường tài chính và đẩy lãi suất lên cao, có khả năng tạo thêm gánh nặng tài chính cho người Mỹ vốn đang phải chật vật với thuế quan và lạm phát.
- Giá vàng thế giới giảm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (16/5), hoàn tất tuần giảm mạnh nhất nửa năm, do nhu cầu phòng ngừa rủi ro suy yếu sau khi Mỹ và Trung Quốc đạt thỏa thuận hòa hoãn trong cuộc chiến thương mại song phương. Tuần vừa qua, giá vàng giao ngay giảm gần 4,7%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 11 năm ngoái.
- Giá dầu tiến hơn 1% vào ngày thứ Sáu (16/05) và ghi nhận tuần tăng thứ 2 liên tiếp, do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung dịu bớt. Giá dầu Brent và dầu WTI đã tăng hơn 2% trong tuần này, kể từ đáy giá dầu WTI đã hồi gần 10%.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ: Các chỉ số chính hồi phục mạnh từ đáy: S&P 500 và Nasdaq hồi lần lượt 23,3% và 29,7%, chỉ còn cách đỉnh thời đại 3% - 4%



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Các thị trường lớn trong khu vực Đông Nam Á có mức phục hồi yếu, hiện chưa lấy lại ngưỡng MA200



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Dù có mức phục hồi hơn 20% từ đáy, mạnh hơn Hàn Quốc và Trung Quốc đại lục, tuy vậy chứng khoán Nhật Bản vẫn thấp hơn 5,4% kể từ đầu năm



Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm đã tăng 27 điểm cơ bản kể từ đầu tháng 5

Trong một diễn biến đáng chú ý trên thị trường tài chính quốc tế, Trung Quốc đã giảm đáng kể lượng nắm giữ trái phiếu Chính phủ Mỹ trong tháng 3, khiến Vương quốc Anh vươn lên thay thế vị trí chủ nợ thứ 2 của nước Mỹ.

Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm đã tăng 6 điểm cơ bản trong tuần vừa qua và tăng 27 điểm cơ bản kể từ đầu tháng 5, có thời điểm lợi suất này đã vượt ngưỡng 4,5% trong tuần vừa qua trước khi dữ liệu lạm phát yếu đã kéo lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm xuống mức 4,443% khi chốt phiên cuối tuần.



Giá vàng thế giới vừa có tuần giảm (4,7%), mạnh nhất nửa năm

Giá vàng thế giới giảm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (16/5), hoàn tất tuần giảm mạnh nhất nửa năm, do nhu cầu phòng ngừa rủi ro suy yếu sau khi Mỹ và Trung Quốc đạt thỏa thuận hòa hoãn trong cuộc chiến thương mại song phương. Tuần vừa qua, giá vàng giao ngay giảm gần 4,7%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Cách đây khoảng 1 tháng, giá vàng lập kỷ lục ở mức hơn 3.500 USD/oz. Hiện tại, giá vàng đã giảm khoảng 300 USD/oz so với kỷ lục này, tương đương mức giảm khoảng 8,6%. Giới phân tích nói rằng việc giá vàng giảm co trong vùng rộng là một dấu hiệu cho thấy lực tăng trong ngắn hạn có thể đã cạn kiệt. Một số chuyên gia dự báo giá vàng có khả năng điều chỉnh về ngưỡng 3.000 USD/oz trong ngắn hạn, dù xu hướng tăng dài hạn vẫn còn.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Dầu WTI tăng 2 tuần liên tiếp, hồi lại gần 10% từ đáy

Giá dầu tiến hơn 1% vào ngày thứ Sáu (16/05) và ghi nhận tuần tăng thứ 2 liên tiếp, do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung dịu bớt. Giá dầu Brent và dầu WTI đã tăng hơn 2% trong tuần này, kể từ đáy giá dầu WTI đã hồi gần 10%. Các chuyên gia phân tích tại BMI, một đơn vị của Fitch Solutions, vẫn duy trì dự báo giá dầu Brent trung bình đạt 68 USD/thùng trong năm 2025 và đạt 71 USD/thùng trong năm 2026, giảm so với mức 80 USD/thùng trong năm 2024, do chính sách thương mại bất định về triển vọng giá cả.



Moody's hạ xếp hạng tín dụng của Hoa Kỳ xuống Aa1 lần đầu tiên kể từ năm 1919

Moody's Ratings vừa hạ xếp hạng tín dụng quốc gia của Mỹ từ Aaa (mức cao nhất có thể) xuống Aa1. Nguyên nhân chính được cơ quan xếp hạng này chỉ ra là gánh nặng ngày càng tăng trong việc tài trợ cho thâm hụt ngân sách liên bang và chi phí ngày càng cao khi tái tài trợ cho khoản nợ hiện tại trong bối cảnh lãi suất cao.

"Việc hạ một bậc xếp hạng trên thang điểm 21 bậc của chúng tôi phản ánh sự gia tăng về tỷ lệ nợ Chính phủ trong hơn một thập kỷ qua và tỷ lệ thanh toán lãi suất lên mức cao hơn đáng kể so với các quốc gia có chủ quyền được xếp hạng tương tự", Moody's giải thích trong tuyên bố chính thức.

Quyết định này được dự đoán sẽ tác động đến thị trường, đẩy lợi suất mà các nhà đầu tư yêu cầu khi mua trái phiếu Chính phủ Mỹ lên cao hơn để phản ánh rủi ro gia tăng. Đồng thời, nó có thể làm suy giảm tâm lý đối với việc nắm giữ tài sản Mỹ, bao gồm cả cổ phiếu. Hiện tất cả các cơ quan xếp hạng tín dụng lớn vẫn tiếp tục duy trì cho Mỹ xếp hạng cao thứ hai trong số các xếp hạng hiện có của họ.

Trước đó, Moody's đã kiên trì giữ nợ Chính phủ của Mỹ ở mức xếp hạng tín dụng cao nhất có thể. Quyết định này đưa cơ quan có tuổi đời 116 năm này vào cùng hàng ngũ với các đối thủ cạnh tranh. Trước đó, Standard & Poor's (S&P) đã hạ xếp hạng của Mỹ từ AAA xuống AA+ vào tháng 8/2011, và Fitch Ratings cũng thực hiện động thái tương tự vào tháng 8/2023.

"Các chính quyền và Quốc hội Mỹ kế tiếp nhau đã không thể thống nhất về các biện pháp để đảo ngược xu hướng thâm hụt tài chính hàng năm lớn và chi phí lãi suất ngày càng tăng", các nhà phân tích của Moody's nhấn mạnh. "Chúng tôi không tin rằng việc cắt giảm đáng kể chi tiêu bắt buộc và thâm hụt trong nhiều năm sẽ đến từ các đề xuất tài chính hiện đang được xem xét".

Credit Rating Scales by Agency, Long-Term

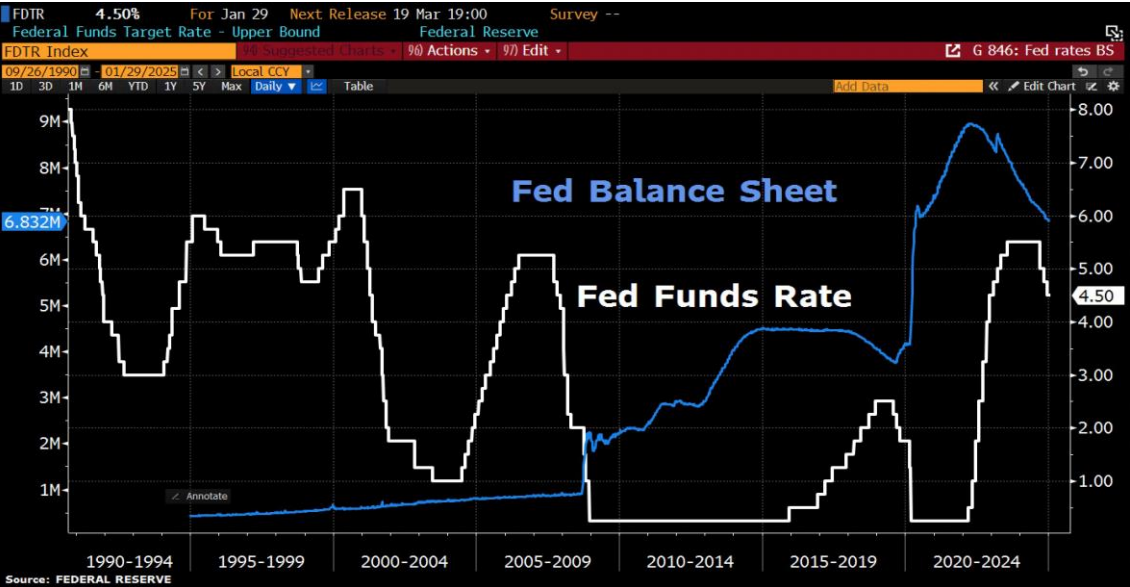
Moody's	S&P	Fitch		
Aaa	AAA	AAA	Prime	"Junk" 
Aa1	AA+	AA+	High grade	
Aa2	AA	AA		
Aa3	AA-	AA-		
A1	A+	A+	Upper medium grade	
A2	A	A		
A3	A-	A-		
Baa1	BBB+	BBB+	Lower medium grade	
Baa2	BBB	BBB		
Baa3	BBB-	BBB-		
Ba1	BB+	BB+	Non-investment grade speculative	
Ba2	BB	BB		
Ba3	BB-	BB-		
B1	B+	B+	Highly speculative	
B2	B	B		
B3	B-	B-		
Caa1	CCC+	CCC	Substantial risk	
Caa2	CCC		Extremely speculative	
Caa3	CCC-		Default imminent with little prospect for recovery	
Ca	CC	CC		
	C	C		
C	D	D	In default	
/				
/				

Fed tính điều chỉnh chiến lược chính sách tiền tệ, thị trường định giá 2 lần cắt giảm lãi suất vào cuối năm

Giới chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cảm thấy cần phải xem xét lại các yếu tố chủ chốt liên quan tới cả thị trường việc làm và lạm phát trong cách tiếp cận chính sách tiền tệ hiện nay, xét tới thực tế lạm phát mấy năm gần đây và khả năng các cú sốc nguồn cung cũng như sự tăng giá do những cú sốc đó có thể xảy ra thường xuyên hơn trong những năm tới - Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell phát biểu ngày 15/5. Sự thận trọng với lạm phát là một lý do khiến Fed tránh đưa ra những kết luận nhanh chóng về tác động từ chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump đối với nền kinh tế. Thuế quan đã khiến Fed khó đánh giá được tình trạng sức khỏe và hướng đi của nền kinh tế, và giới chức Fed cũng chưa thể xác định một cách chắc chắn nền kinh tế Mỹ và kinh tế toàn cầu đã thay đổi như thế nào do đại dịch.

Thị trường đang định giá chỉ có 2 lần cắt giảm lãi suất cuối năm 2025:

- Tháng 6 năm 2025: Giữ nguyên
- Tháng 7 năm 2025: Giữ nguyên
- Tháng 9 năm 2025: Giảm 25 điểm cơ bản xuống 4,00-4,25%
- Tháng 10 năm 2025: Giữ nguyên
- Tháng 12 năm 2025: Giảm 25 điểm cơ bản xuống còn 3,75-4,00%



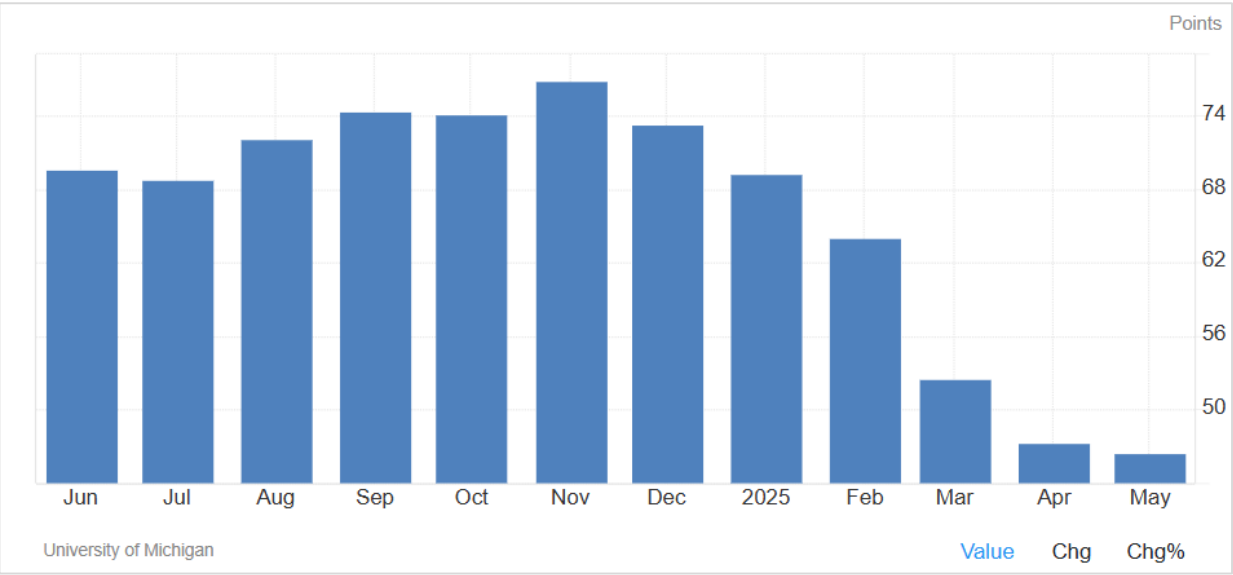
	CME FEDWATCH TOOL - CONDITIONAL MEETING PROBABILITIES								
MEETING DATE	225-250	250-275	275-300	300-325	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450
18/06/2025				0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	8.4%	91.6%
30/07/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	2.4%	32.5%	65.1%
17/09/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	1.4%	20.1%	51.6%	26.9%
29/10/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.7%	11.0%	36.3%	38.9%	13.1%
10/12/2025	0.0%	0.0%	0.0%	0.5%	7.0%	26.5%	37.9%	23.0%	5.0%
28/01/2026	0.0%	0.0%	0.2%	2.9%	14.2%	30.7%	32.5%	16.5%	3.2%

Khảo sát tâm lý của Michigan cho thấy Tâm lý người tiêu dùng giảm trong tháng thứ sáu liên tiếp

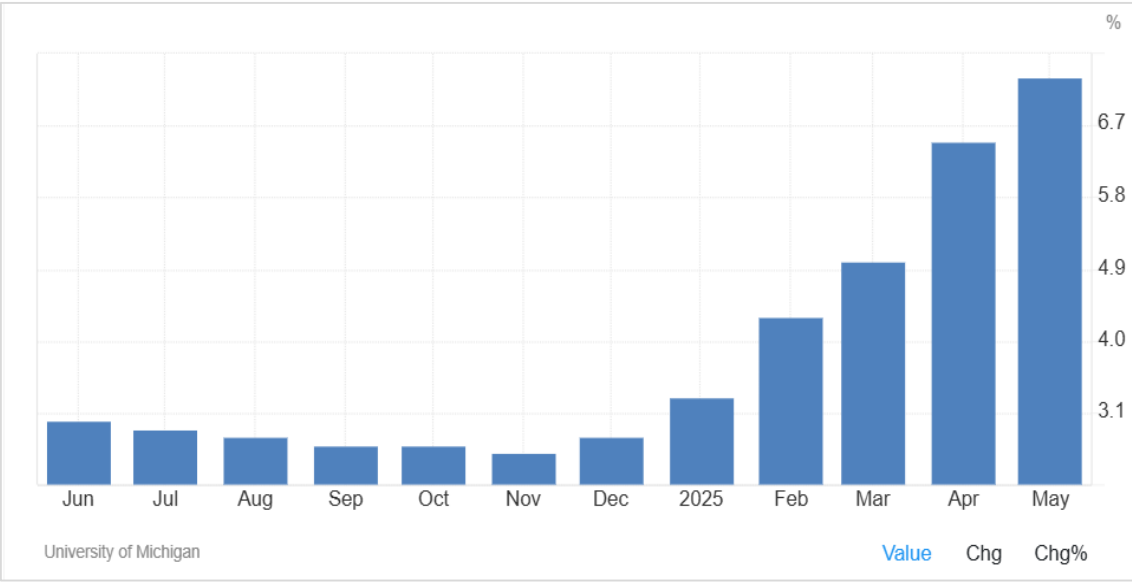
Báo cáo khảo sát của Đại học Michigan cho thấy niềm tin người tiêu dùng Mỹ giảm xuống mức thấp thứ hai trong lịch sử trong chuỗi giảm 6 tháng liên tiếp

Cũng theo báo cáo này, người tiêu dùng kỳ vọng giá cả hàng hóa sẽ tăng 7,3% trong vòng 1 năm tới, từ mức kỳ vọng tăng 6,5% trong cuộc khảo sát tháng trước.

Chỉ số tâm lý người tiêu dùng



Kỳ vọng lạm phát 1 năm



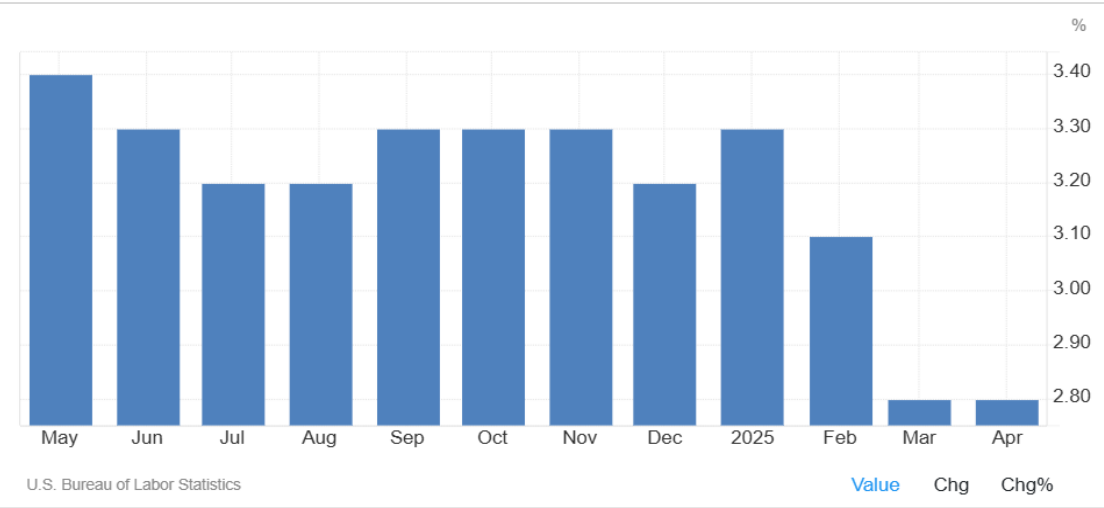
Lạm phát Mỹ tháng 4 dịu đi

Theo một báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của nước này tăng 2,3% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức tăng 2,4% của tháng 3 và cũng thấp hơn mức dự báo tăng 2,4% mà giới phân tích đưa ra.

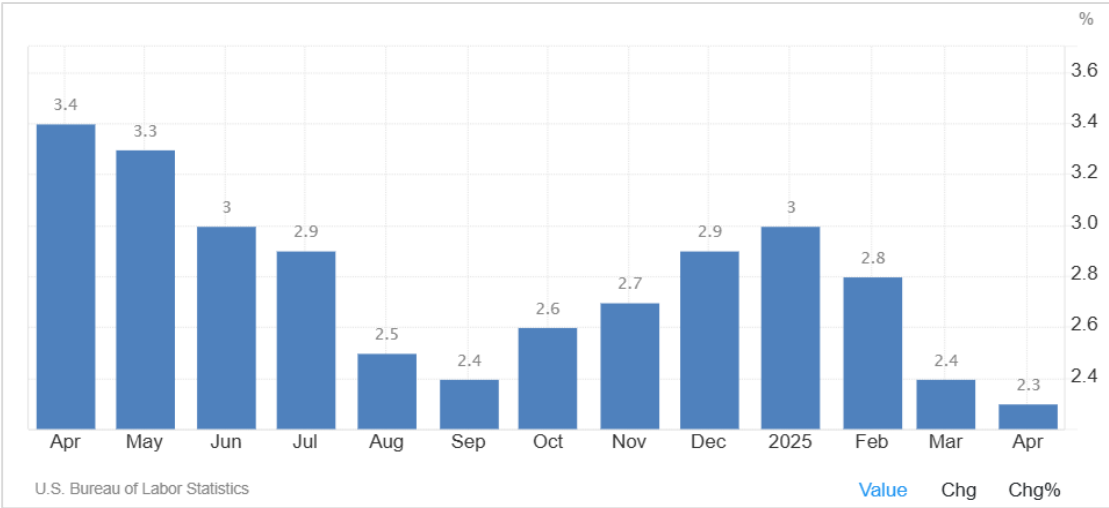
Đây là mức tăng hàng năm thấp nhất của chỉ số CPI Mỹ kể từ tháng 2/2021. Ngoài ra, không có dấu hiệu nào cho thấy các kế hoạch thuế quan của ông Trump đẩy giá cả ở Mỹ tăng trong tháng 4. Nguyên nhân có thể nằm ở việc các công ty Mỹ đã tích trữ được nhiều hàng hóa trong quý 1 trước khi thuế quan có hiệu lực.

Số liệu kinh tế vĩ mô công bố ngày thứ Năm tiếp tục cho thấy xu hướng giảm của lạm phát. Theo báo cáo từ Bộ lao động Mỹ, chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 4 giảm 0,5% so với tháng trước, so với mức dự báo tăng 0,3% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones.

United States Core CPI YoY



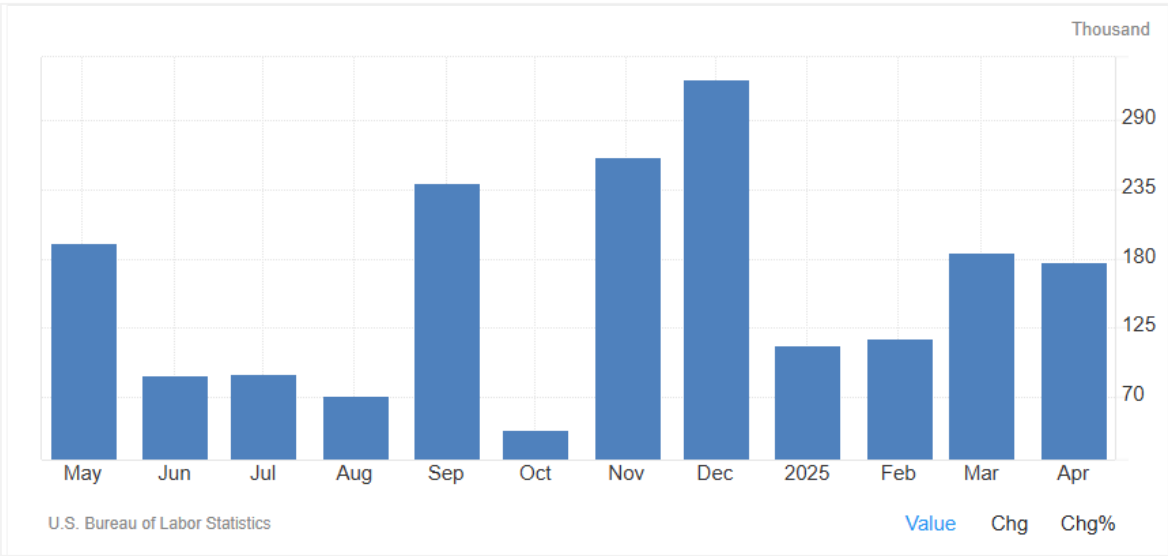
United States Inflation Rate YoY



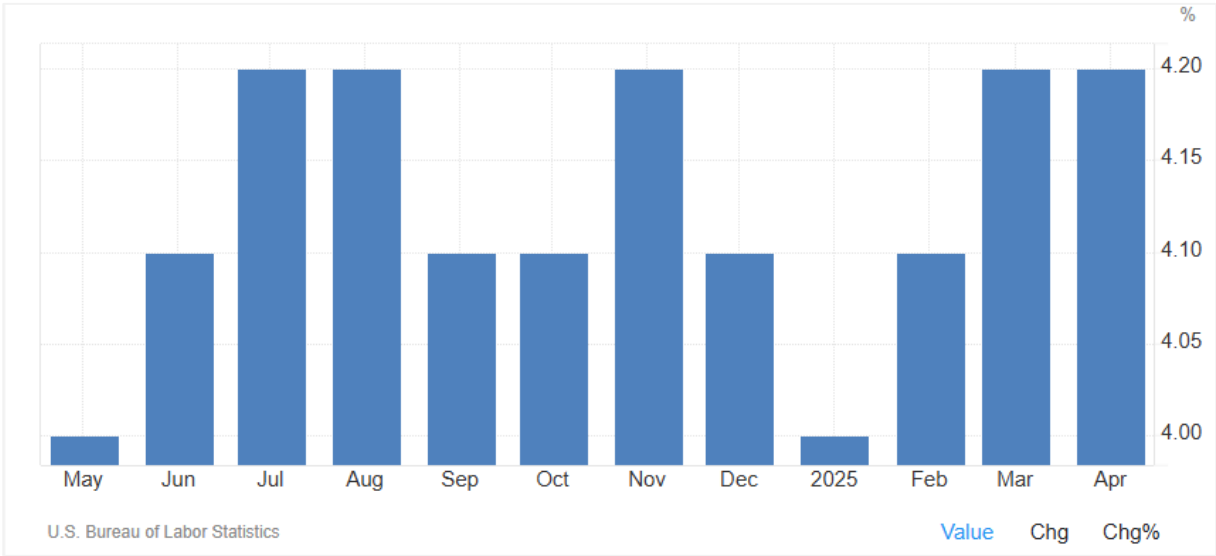
Thị trường việc làm tháng 4 ở Mỹ mạnh hơn dự báo

Báo cáo việc làm chính thức của Mỹ cho thấy nền kinh tế nước này đã tạo ra thêm 177.000 việc làm trong tháng 4, cao hơn so với dự báo tăng 133.000 việc làm từ các chuyên gia kinh tế tham gia cuộc thăm dò của Dow Jones. Con số này vẫn giảm mạnh so với mức tăng 185.000 việc làm trong tháng 3, nhưng tốt hơn nhiều so với lo ngại sau khi nổi lo về suy thoái gia tăng trong tháng trước. Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 4,2%, trùng khớp với dự báo.

United States Non Farm Payrolls



United States Unemployment Rate

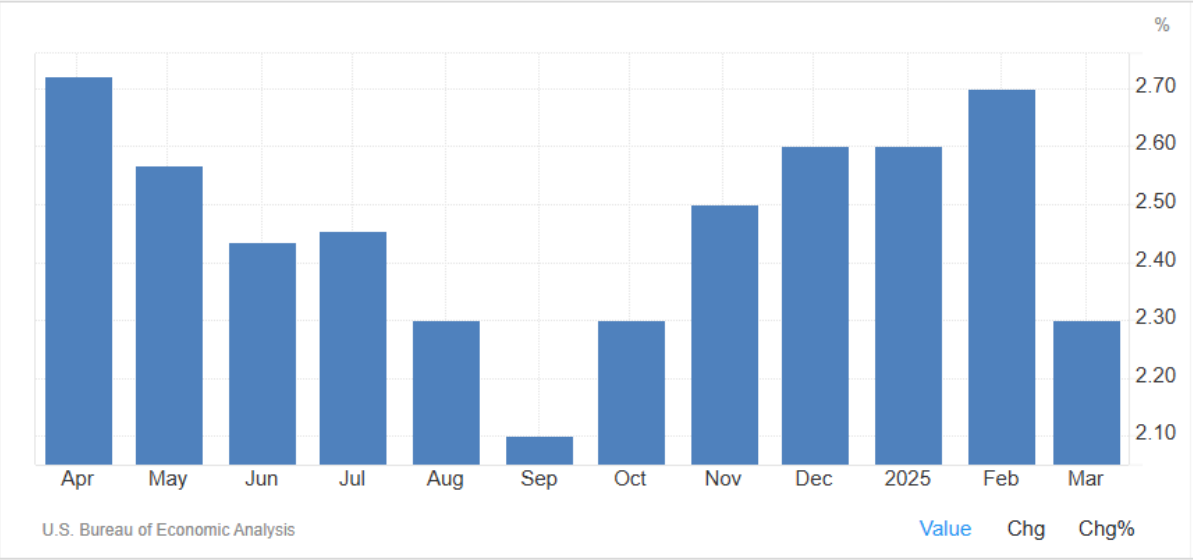


Lạm phát của Mỹ đã chậm lại vào tháng 3

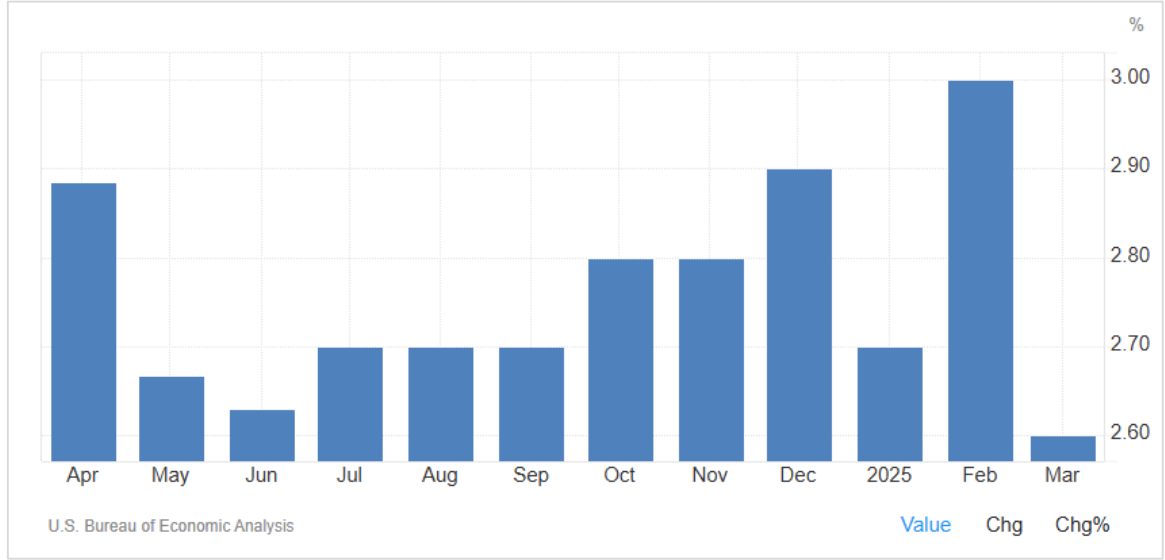
Báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ ngày thứ Sáu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE), thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm ngoái và không thay đổi so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn mức dự báo là 2,2%.

So với cùng kỳ năm trước, PCE lõi tăng 2,6%, không thay đổi so với tháng trước và phù hợp với dự báo 2,6%.

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE)



Chỉ số giá tiêu dung cá nhân (PCE) lõi

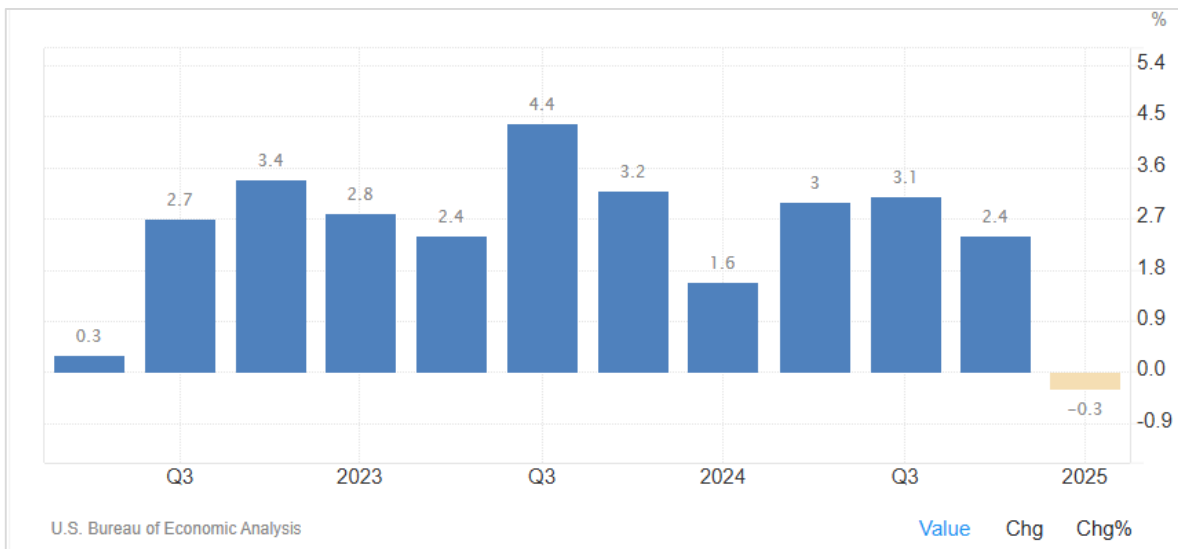


Tốc độ tăng trưởng kinh tế quý 1 của Mỹ giảm

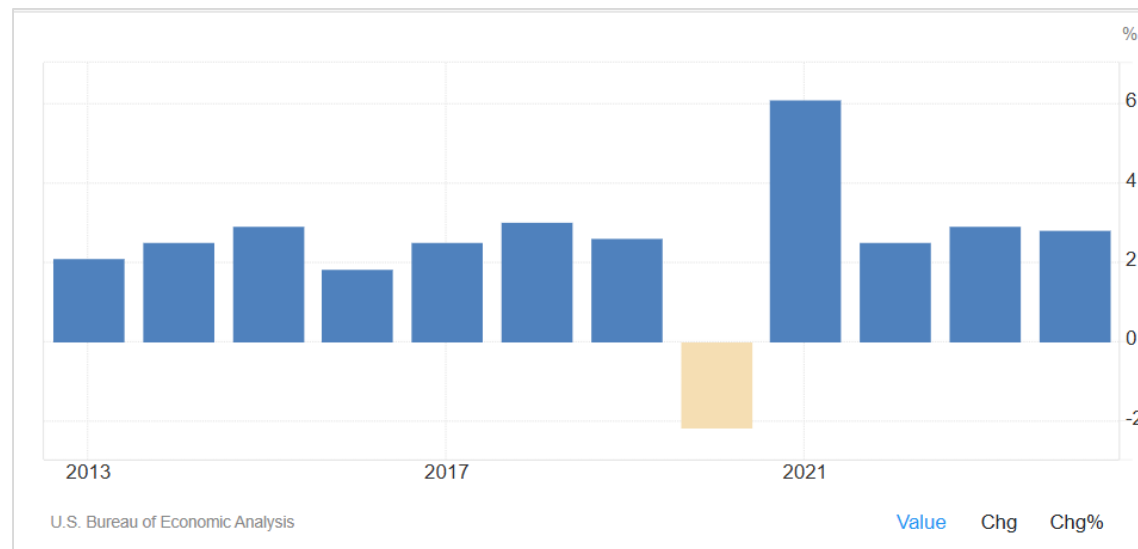
Theo số liệu chính thức từ Bộ Thương mại, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ đã giảm 0,3% trong quý 1/2025 - một sự đảo chiều đáng báo động so với mức tăng trưởng 2,4% của quý 4 năm 2024. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm này là sự bùng nổ của hoạt động nhập khẩu, tăng vọt tới 41% trong quý vừa qua. Hiện tượng này được các chuyên gia phân tích là phản ứng của doanh nghiệp trước những lo ngại về cuộc chiến thương mại toàn cầu đang được Tổng thống Trump thúc đẩy.

Năm 2024, GDP danh nghĩa tăng 2,8%, trong khi GDP thực tế tăng khoảng 2,1% - 2,3% (theo ước tính). Năm 2023, tăng trưởng GDP danh nghĩa là 2,9%, trong khi GDP thực tế là 2,5% (số liệu cuối cùng). Chênh lệch khoảng 0,4% phản ánh lạm phát thấp hơn so với các năm trước đó.

Tăng trưởng GDP theo quý



Tăng trưởng GDP danh nghĩa theo năm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



ECB hạ lãi suất lần thứ 7, Thổ Nhĩ Kỳ tăng lãi suất lên gần 50%

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 17/4 hạ lãi suất về mức thấp nhất trong hơn 2 năm trở lại đây, một động thái được cho là chuẩn bị để ứng phó với tác động kinh tế từ cuộc chiến thương mại mà Tổng thống Mỹ Donald Trump khởi xướng. Mức giảm 0,25 điểm phần trăm đưa lãi suất tham chiếu của khu vực sử dụng đồng euro (eurozone) về mức 2,25%, thấp nhất kể từ năm 2023. Mức lãi suất cao nhất của ECB trước khi bước vào chu kỳ nới lỏng này là 4%, duy trì từ giữa năm 2023 cho tới tháng 6 năm ngoái. Kể từ lần giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 6/2024 đến nay, các nhà hoạch định chính sách tiền tệ ở Frankfurt đã có 7 lần hạ lãi suất.

Trong khi ECB đã có 3 lần hạ lãi suất từ đầu năm tới nay, vào tháng 1, tháng 3 và ngày 17/4, Fed đã “án binh bất động” kể từ sau lần giảm vào tháng 12 năm ngoái.

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) có thể xem xét dừng tăng lãi suất nếu đồng yên của nước này tăng giá gần tới ngưỡng 130 yên đổi 1 USD và khả năng lạm phát duy trì thấp đi - theo một báo cáo của Goldman Sachs. Ngày 17/4, tỷ giá đồng yên có lúc đạt mức cao nhất 7 tháng so với USD, nhưng sau đó yếu đi vì có tin đàm phán thương mại Mỹ - Nhật chưa bàn đến vấn đề tỷ giá tiền tệ.

Lạm phát gần 40%, Thổ Nhĩ Kỳ tăng lãi suất lên gần 50%. Ủy ban Chính sách Tiền tệ Thổ Nhĩ Kỳ cho biết lập trường chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ được duy trì cho tới khi giá cả được bình ổn thông qua việc giảm lạm phát ổn định.

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Switzerland	Target Rate	0.25%	0.0%	0.3%	Lower	Cut	Mar-25
Japan	Policy Rate Bal	0.50%	3.6%	-3.1%	Lower	Hike	Jan-25
Thailand	Policy Rate	1.75%	-0.2%	2.0%	Lower	Cut	Apr-25
Denmark	Current Account	1.85%	1.5%	0.4%	Unchanged	Cut	Apr-25
Taiwan	Discount Rate	2.00%	2.0%	0.0%	Lower	Hike	Mar-24
Sweden	Repo Rate	2.25%	0.3%	2.0%	Lower	Cut	Jan-25
Eurozone	Deposit Rate	2.25%	2.2%	0.1%	Unchanged	Cut	Apr-25
Canada	Overnight	2.75%	2.3%	0.5%	Lower	Cut	Mar-25
South Korea	Repo Rate	2.75%	2.1%	0.7%	Unchanged	Cut	Feb-25
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.4%	1.6%	Lower	Hike	May-23
China	Loan Prime Rate	3.10%	-0.1%	3.2%	Unchanged	Cut	Oct-24
New Zealand	Cash Rate	3.50%	2.5%	1.0%	Higher	Cut	Apr-25
Czech Republic	Repo Rate	3.50%	1.8%	1.7%	Lower	Cut	May-25
Australia	Cash Rate	4.10%	2.4%	1.7%	Unchanged	Cut	Feb-25
UK	Bank Rate	4.25%	2.6%	1.7%	Lower	Cut	May-25
US	Fed Funds	4.38%	2.3%	2.1%	Lower	Cut	Dec-24
Norway	Deposit Rate	4.50%	2.5%	2.0%	Lower	Hike	Dec-23
Peru	Policy Rate	4.50%	1.7%	2.9%	Higher	Cut	May-25
Hong Kong	Base Rate	4.75%	1.4%	3.4%	Unchanged	Cut	Dec-24
Chile	Base Rate	5.00%	4.5%	0.5%	Lower	Cut	Dec-24
Saudi Arabia	Repo Rate	5.00%	2.3%	2.7%	Unchanged	Cut	Dec-24
Poland	Repo Rate	5.25%	4.3%	1.0%	Lower	Cut	May-25
Philippines	Key Policy Rate	5.50%	1.4%	4.1%	Lower	Cut	Apr-25
Indonesia	Repo Rate	5.75%	2.0%	3.8%	Higher	Cut	Jan-25
India	Repo Rate	6.00%	3.2%	2.8%	Lower	Cut	Apr-25
South Africa	Repo Rate	7.50%	2.7%	4.8%	Lower	Cut	Jan-25
Mexico	Overnight Rate	8.50%	3.9%	4.6%	Higher	Cut	May-25
Colombia	Repo Rate	9.25%	2.2%	7.1%	Higher	Cut	Apr-25
Brazil	Target Rate	14.75%	5.5%	9.2%	Higher	Hike	May-25
Russia	Key Policy Rate	21.00%	10.3%	10.7%	Higher	Hike	Oct-24
Argentina	Overnight Repo	29.00%	47.3%	-18.3%	Lower	Cut	Jan-25
Turkey	Repo Rate	46.00%	37.9%	8.1%	Lower	Hike	Apr-25

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	62.49	2.4%	-2.4%	-12.9%	-21.5%
BrentUSD/Bbl	65.41	2.4%	-3.8%	-12.4%	-22.1%
Natural gasUSD/MMBtu	3.334	-12.2%	2.7%	-8.2%	27.0%
GasolineUSD/Gal	2.1388	1.3%	2.3%	6.3%	-17.0%
Heating OilUSD/Gal	2.1394	3.3%	-0.3%	-7.7%	-14.0%
CoalUSD/T	99	0.1%	4.2%	-21.0%	-30.4%
TTF GasEUR/MWh	35.14	1.6%	-0.6%	-30.4%	14.2%
UK GasGBP/thm	83.5	0.9%	-3.6%	-33.4%	12.4%
EthanolUSD/Gal	1.7475	1.2%	-1.6%	3.4%	-1.8%
NaphthaUSD/T	551.96	0.6%	0.3%	-9.7%	-17.3%
UraniumUSD/Lbs	71.6	1.9%	10.1%	-1.9%	-21.3%
PropaneUSD/Gal	0.76	4.8%	-9.5%	-2.1%	9.1%
MethanolCNY/T	2302	0.0%	-1.3%	-16.8%	-15.7%
Urals OilUSD/Bbl	57.4	4.2%	-3.7%	-16.2%	-21.3%

Livestock	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Feeder CattleUSD/Lbs	297	-0.4%	3.6%	12.8%	20.6%
Live CattleUSD/Lbs	212.32	-1.1%	1.2%	10.8%	17.4%
Lean HogsUSD/Lbs	100.33	2.8%	11.0%	23.4%	4.0%
BeefBRL/15KG	302.6	-2.1%	-7.4%	-4.7%	34.1%
PoultryBRL/Kgs	8.81	0.8%	0.5%	6.1%	19.9%
Eggs USUSD/Dozen	3.45	2.9%	10.5%	-40.6%	124.2%
Eggs CHCNY/T	3012	0.0%	-9.3%	-14.5%	-18.7%
SalmonNOK/KG	77.32	-8.9%	0.6%	-17.6%	-6.3%

Agricultural	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
SoybeansUSD/Bu	1050	-0.2%	1.3%	5.2%	-14.4%
WheatUSD/Bu	524.75	0.6%	-4.4%	-4.9%	-19.4%
LumberUSD/1000 board feet	603.12	10.7%	5.4%	9.7%	14.3%
Palm OilMYR/T	3812	-0.1%	-5.0%	-14.2%	-2.0%
CheeseUSD/Lbs	1.972	4.3%	6.7%	3.7%	-7.7%
MilkUSD/CWT	18.58	0.9%	7.0%	-0.7%	-0.8%
RubberUSD Cents / Kg	172.4	0.6%	3.0%	-12.7%	2.3%
Orange JuiceUSD/Lbs	251.1	-2.0%	-17.4%	-49.5%	-44.0%
CoffeeUSD/Lbs	374.64	-5.3%	-0.4%	16.9%	81.3%
CottonUSD/Lbs	65.104	-2.4%	-1.8%	-4.8%	-14.3%
RiceUSD/cwt	12.76	2.9%	-5.3%	-9.0%	-32.0%
CanolaCAD/T	704.05	0.7%	5.5%	15.7%	6.4%
OatUSD/Bu	342.25	-0.4%	-4.0%	3.6%	-6.4%
WoolAUD/100Kg	1189	-0.2%	-3.5%	3.0%	4.8%
SugarUSD/Lbs	17.56	-1.4%	-1.9%	-9.0%	-3.0%
CocoaUSD/T	10932	16.5%	30.8%	-5.0%	50.1%
TeaINR/Kgs	194.73	-1.9%	7.4%	14.5%	3.2%
Sunflower OilUSD/T	1310.4	-0.3%	-1.3%	3.3%	52.9%
RapeseedEUR/T	483.78	2.6%	-9.6%	-5.1%	1.1%
BarleyINR/T	2333.5	-0.9%	3.2%	-3.8%	11.5%
ButterEUR/T	7365	2.3%	0.9%	0.9%	15.1%
PotatoesEUR/100KG	13.8	0.0%	-21.1%	-52.7%	-58.1%
CornUSD/BU	443.02	-1.5%	-8.1%	-3.4%	-2.1%

Nguồn: Update 16/05, tradingeconomics, MBS Research

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3203.8	-3.6%	-3.7%	22.1%	32.7%
SilverUSD/t.oz	32.274	-1.3%	-0.7%	11.8%	2.5%
CopperUSD/Lbs	4.5511	-1.2%	-3.1%	14.4%	-9.9%
SteelCNY/T	3105	1.8%	2.2%	-6.2%	-12.5%
LithiumCNY/T	64500	-1.2%	-9.9%	-14.1%	-38.9%
Iron Ore CNYCNY/T	725.5	4.1%	2.6%	-6.9%	-18.6%
PlatinumUSD/t.oz	985	-1.0%	2.2%	10.2%	-10.0%
HRC SteelUSD/T	895	0.6%	-4.8%	26.2%	15.2%
Iron OreUSD/T	100.08	1.6%	0.0%	-3.4%	-14.5%
TitaniumCNY/KG	50.5	0.0%	4.1%	13.5%	-1.0%

Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	361.77	0.4%	0.2%	1.4%	5.6%
LME IndexIndex Points	4073.5	0.8%	3.7%	4.3%	-10.5%
GSCIIndex Points	533.1	0.3%	-1.0%	-3.0%	-9.3%
SSE Consume Commodity	7902.8	0.7%	0.3%	0.3%	-7.6%
Containerized Freight	1479.4	10.0%	6.1%	-39.9%	-41.3%
Nuclear Energy IndexUSD	27.29	-0.4%	18.7%	1.9%	-17.2%
Solar Energy IndexUSD	35	10.5%	22.9%	3.9%	-17.9%
EU Carbon PermitsEUR	70.99	0.9%	7.7%	-2.8%	0.7%
Wind Energy IndexUSD	16.78	3.4%	9.7%	13.4%	-1.6%

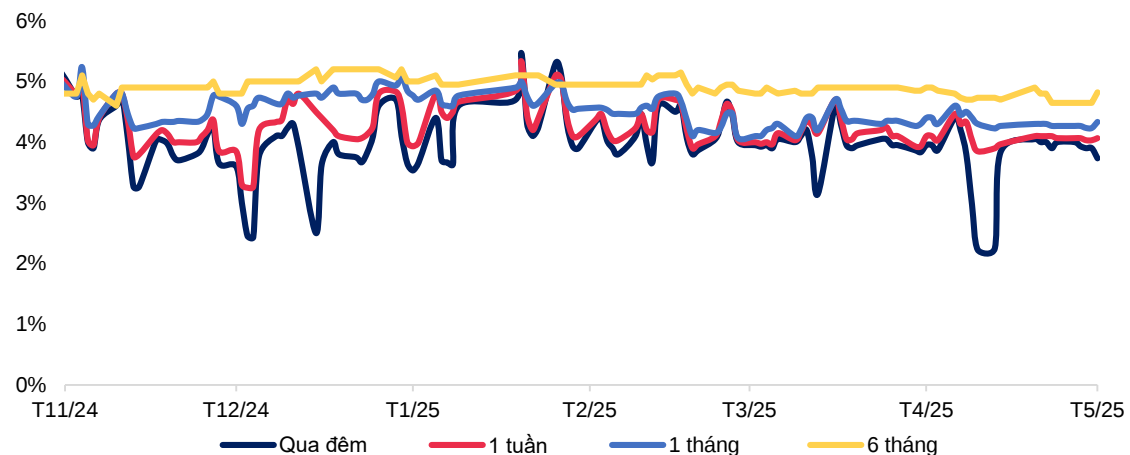
Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3461	0.8%	3.5%	-6.2%	-6.1%
CobaltUSD/T	33700	0.0%	0.0%	38.7%	21.1%
LeadUSD/T	2001.7	1.0%	3.9%	2.6%	-12.3%
AluminumUSD/T	2479.9	2.4%	4.1%	-2.8%	-5.1%
TinUSD/T	32974	3.4%	7.1%	13.4%	-2.2%
ZincUSD/T	2690.9	1.3%	3.8%	-9.7%	-11.2%
NickelUSD/T	15605	-1.6%	-0.9%	2.0%	-26.0%
MolybdenumCNY/Kg	461.5	1.1%	2.2%	-1.6%	-7.7%
PalladiumUSD/t.oz	962	-1.5%	1.7%	8.2%	-4.9%
RhodiumUSD/t oz.	5500	2.3%	1.9%	20.2%	16.4%
PolyethyleneCNY/T	7507	3.6%	2.6%	-11.9%	-10.7%
PolyvinylCNY/T	4857	3.1%	-1.1%	-1.4%	-16.5%
PolypropyleneCNY/T	7248	2.3%	0.6%	-1.8%	-3.5%
Soda AshCNY/T	1388	0.0%	-0.9%	-9.2%	-33.6%
NeodymiumCNY/T	546000	3.6%	0.2%	9.9%	9.2%
TelluriumCNY/Kg	740	0.0%	0.0%	14.7%	25.4%
UreaUSD/T	473.75	-0.4%	16.3%	40.4%	69.5%
Di-ammoniumUSD/T	652.5	0.8%	2.4%	13.0%	24.9%
MagnesiumCNY/T	18400	1.1%	5.8%	8.2%	-4.2%
GalliumCNY/Kg	1725	-2.8%	-2.8%	-16.9%	-24.2%
GermaniumCNY/Kg	15000	-2.0%	-2.6%	-14.5%	54.6%
ManganeseCNY/mtu	30.25	0.0%	-3.2%	5.2%	-23.9%
IndiumCNY/Kg	2525	-1.9%	-6.5%	-0.8%	-17.9%
Kraft PulpCNY/T	5368	4.1%	-0.7%	-8.5%	-14.4%

Nguồn: Update 16/05, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

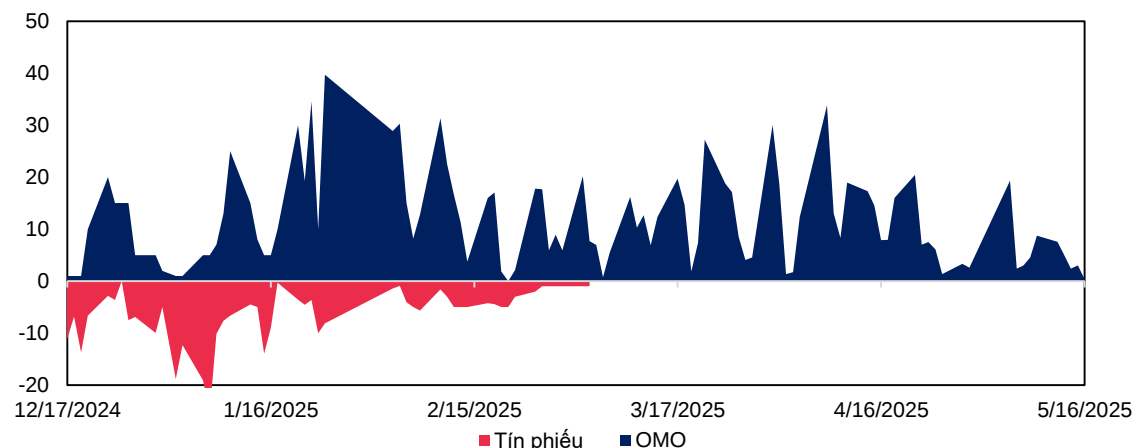
- Tuần vừa qua, NHNN quay trở lại hút ròng thanh khoản mạnh mẽ. Động thái này được cho là nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức cao để thu hẹp khoảng chênh lệch lãi suất VND – USD, qua đó giúp giảm áp lực lên tỷ giá. Cụ thể, Nhà điều hành đã bơm ra thị trường gần 18.4 nghìn tỷ đồng thông qua kênh OMO với kỳ hạn 7, 14, 35 ngày và lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đảo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ lên tới gần 47.9 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã hút ròng gần 29.5 nghìn tỷ đồng trong tuần 12/5 – 16/5.
- Nhờ động thái hút ròng của NHNN, lãi suất liên ngân hàng ở tất cả các kỳ hạn đều duy trì ổn định trong tuần. Cụ thể, lãi suất qua đêm hiện ở mức 3.8%. Các kỳ hạn dưới 1 tháng hiện dao động trong khoảng 4.1% - 4.3%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng đang giao dịch ở mức 4.8%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

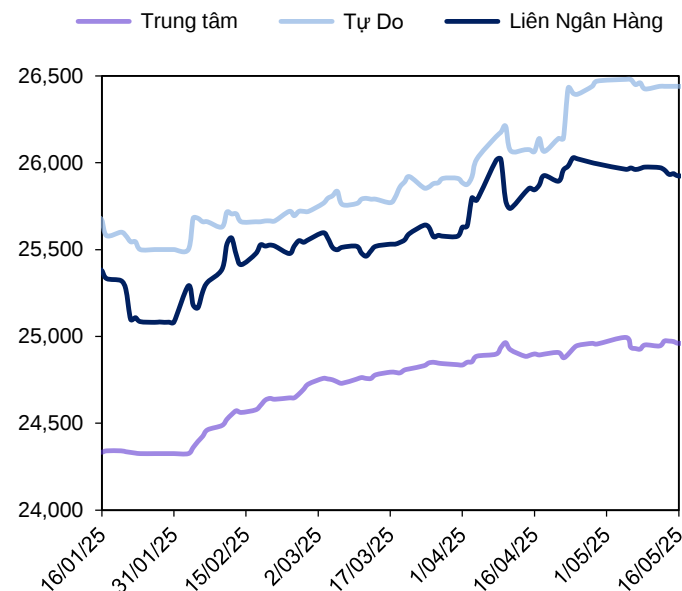


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

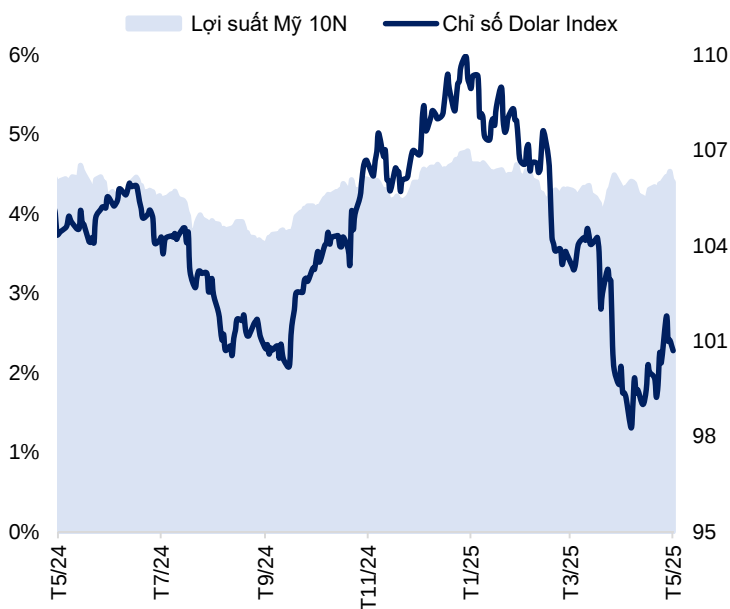
Chỉ số DXY có khởi đầu tích cực khi tăng lên mức cao nhất trong vòng một tháng trở lại đây tại 101.8 nhờ nỗi lo ngại về chiến tranh thương mại được xoa dịu sau khi Mỹ và Trung Quốc đã đồng ý hoãn hầu hết các mức thuế áp lên hàng hóa của đối phương trong vòng 90 ngày. Cụ thể, Mỹ sẽ giảm thuế đối với hàng hóa Trung Quốc từ 145% xuống 30%, trong khi Trung Quốc sẽ giảm thuế đối với hàng hóa Mỹ từ 125% xuống 10%. Tuy nhiên, chỉ số DXY đã giảm nhẹ dần về cuối tuần và hiện đang ở mức 100.7 sau khi nền kinh tế Mỹ ghi nhận những tín hiệu trái chiều với: chỉ số CPI giảm mạnh xuống mức 2.3% trong tháng 4, doanh số bán lẻ chỉ tăng nhẹ khi tăng 0.1% sau khi tăng 1.7% trong tháng 3, chỉ số giá sản xuất PPI giảm 0.5% - mức giảm lớn nhất kể từ năm 2015 cho thấy các tác động ban đầu của thuế quan lên các doanh nghiệp. Trong nước, tỷ giá USD/VND giảm nhẹ trong tuần vừa qua. Tỷ giá liên ngân hàng hiện đang giao dịch tại 25,924 VND/USD. Tỷ giá tại thị trường tự do ở mức 26,440 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,960 VND/USD.

Tỷ giá USD/VND



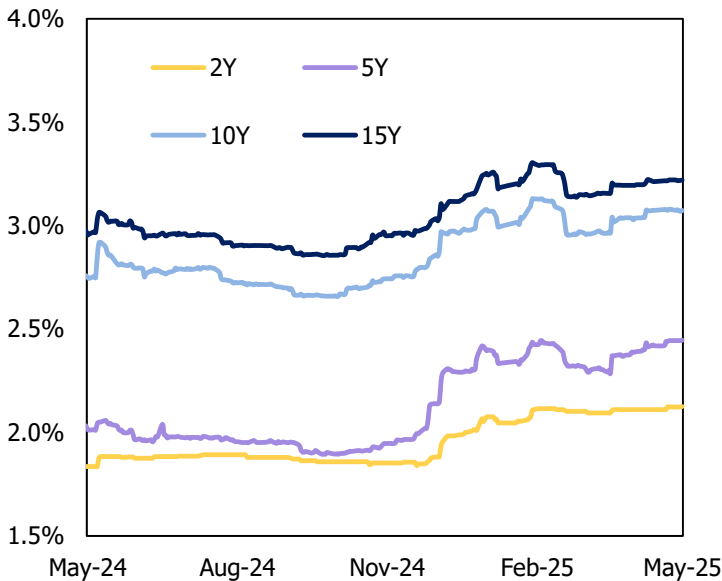
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

MBS VIETNAM MACRO SNAPSHOT		Tháng 3/2025
GDP Quý 1 ▲ 6.9% 6.9% 7.6% 7.4% 6.9% 1Q 25 4Q 24 3Q 24 2Q 24 Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.74%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.42%; khu vực dịch vụ tăng 7.7%.		
IIP ▲ 8.6% PMI ▲ 50.5 - Chỉ số PMI đạt 50.5 điểm - tăng lên trên ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên trong 4 tháng trở lại đây. - Chỉ số IIP T3/25 ước tính tăng 12% so với tháng trước và tăng 8.6% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 7.8% svck - là mức tăng cao nhất của quý I kể từ năm 2020 đến nay		
Xuất siêu T3/25 1.63 tỷ US\$ Lũy kế tháng dư 3.16 tỷ US\$ Xuất khẩu T3/25 38.5 tỷ US\$ Lũy kế 102.8 tỷ US\$ ▲ 14.5% svck Nhập khẩu T3/25 36.9 tỷ US\$ Lũy kế 99.7 tỷ US\$ ▲ 19% svck Lũy kế từ đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 102.8 tỷ USD (+10.6% svck). Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Sản phẩm từ sắt thép (+30.2% svck); điện tử, máy tính và linh kiện (+29.2% svck); đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+73.8% svck). Trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 99.7 tỷ USD (+17% svck). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3.16 tỷ USD, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 8.02 tỷ USD.		
Lạm phát T3/25 3.1% svck Bình quân từ đầu năm 3.2% svck Lạm phát trong tháng 3 tăng 3.1% svck - thấp hơn đáng kể so với mức tăng 4% của T3/24 nhờ giá xăng dầu giảm 13.8% svck và giá gạo giảm theo giá thế giới. Ở chiều ngược lại, các yếu tố đóng góp chính vào mức tăng của CPI trong tháng gồm: giá nhóm dịch vụ y tế tăng 14.6% svck do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024; giá nhà ở thuê tăng 7.3% do nhu cầu thuê chung cư, nhà trọ tăng, và giá bất động sản tăng cao thời gian qua đã khiến các hộ kinh doanh cho thuê nhà tăng giá. Lạm phát bình quân 3T2025 tăng 3.2% svck - thấp hơn nhiều so với mức tăng 3.8% trong 3T2024; lạm phát cơ bản tăng 3% svck.		
FDI đăng ký mới T3/25 2.14 tỷ US\$ Lũy kế 4.33 tỷ US\$ ▼ 31.5% svck FDI giải ngân T3/25 2.01 tỷ US\$ Lũy kế 4.96 tỷ US\$ ▲ 7.2% svck Vốn FDI thực hiện trong ba tháng đầu năm 2025 là mức cao nhất của ba tháng trong 5 năm qua. Đáng chú ý trong tháng, Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty Hainan Goertek với dự án sản xuất linh kiện điện tử có tổng vốn đầu tư 270 triệu USD)	Đầu tư công T3/25 ~44 nghìn tỷ đồng Lũy kế từ đầu năm giải ngân 116.9 nghìn tỷ đồng ▲ 10.8% svck ▲ 19.8% svck 🌈 13.5% KH cả năm	
Bán lẻ, dịch vụ T3/25 ▲10.8% svck Lũy kế ▲9.9% svck, nếu loại trừ yếu tố giá ▲7.5% svck	Khách quốc tế đến Việt Nam T3/25 2.05 triệu lượt người Lũy kế 6.02 triệu lượt người ▲ 28.5% svck ▲ 29.6% svck	

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

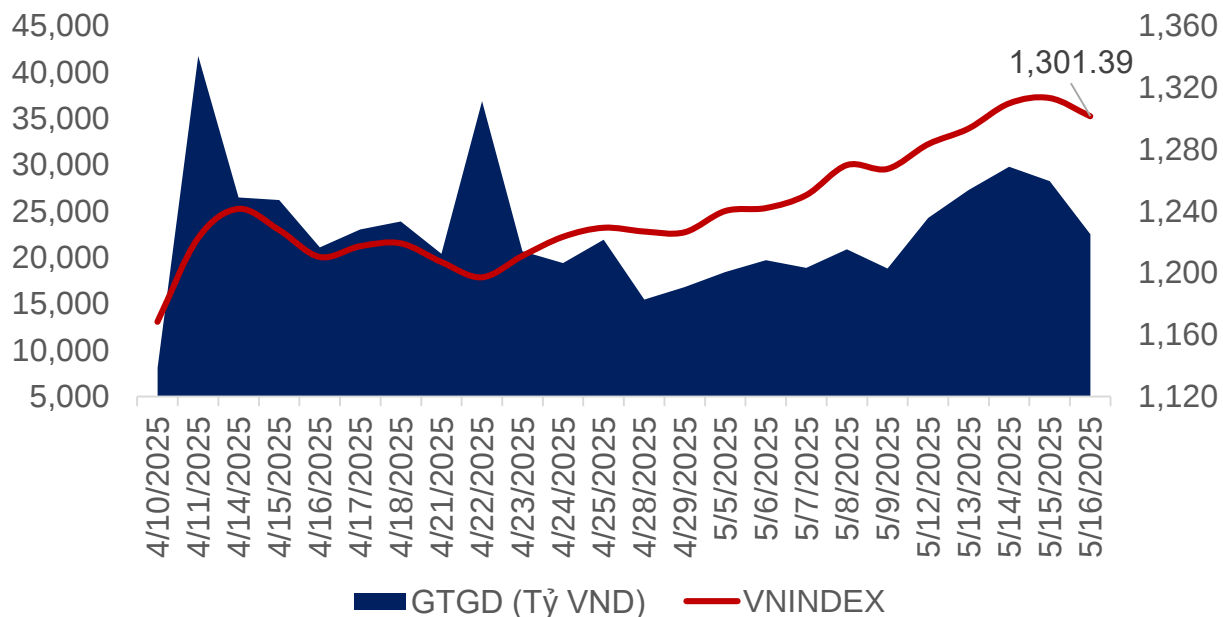


Chỉ số Vn-Index tăng 75 điểm trong 2 tuần vừa qua nhờ nhóm Bluechips, thanh khoản bùng nổ

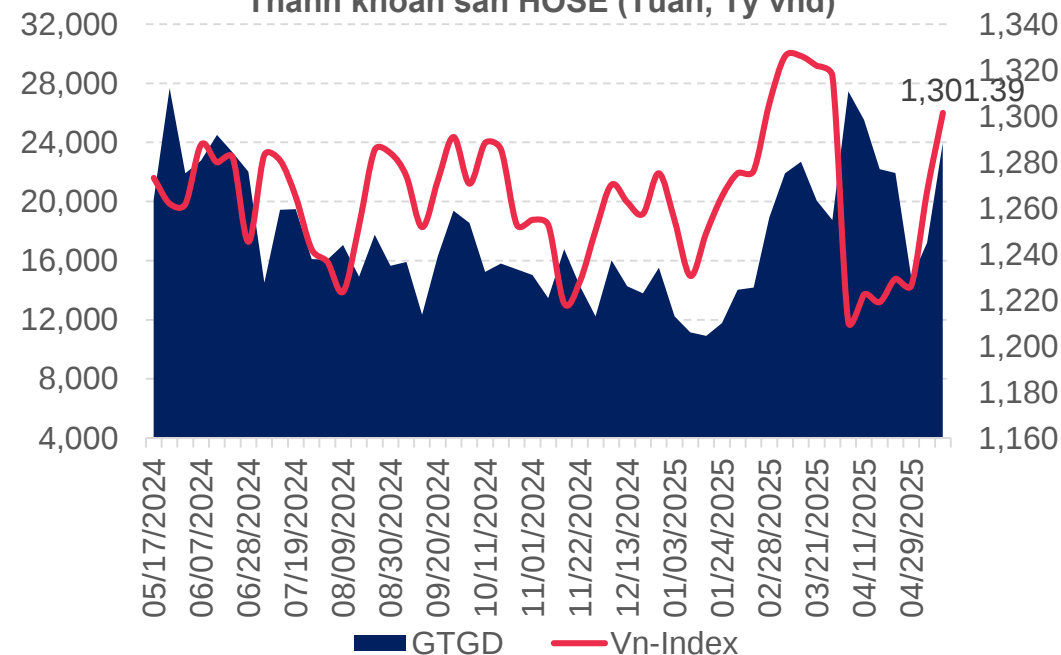
Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.301,39 điểm, tăng +34,09 điểm, tương đương tăng +2,69% so với tuần trước, ghi nhận tuần tăng mạnh thứ 2 liên tiếp, có thời điểm chỉ số này đạt ngưỡng cao nhất 1.316,53 điểm, tức hồi gần 90 điểm từ mức thấp nhất trong vòng 2 tuần. Nhóm cổ phiếu Bluechips (VN30) có mức phục hồi tốt nhất, tăng +2,38%, trong khi nhóm cổ phiếu nhỏ (Smallcap) và nhóm cổ phiếu trung bình (Midcap) có mức tăng lần lượt +1,24% và +2,16%. Mặt bằng cổ phiếu phục hồi trên diện rộng, một số nhóm cổ phiếu có sức bật tốt trong tuần vừa qua: Bán lẻ (+4,71%), BĐS KCN (+4,71%), Ngân hàng (+4,18%), Công nghệ (+4,16%), ... Ngược dòng thị trường là nhóm cổ phiếu Vingroup khi VHM giảm -6,75%, VRE (-2%), ...

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua tăng lên mức 26.412 tỷ đồng, tăng +36,6% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng vọt +36,5% lên 23.430 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 4 đạt 25.571 tỷ đồng, tăng +12,4% so với tháng 3 và tăng +4,8% so với cùng kỳ, thanh khoản nửa đầu tháng 5 còn 22.876 tỷ đồng, giảm -10,5% so với tháng 4 và sụt -8,7% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 20.375 tỷ đồng, giảm -16% so với cùng kỳ và sụt -3,35% so với mức bình quân năm 2024.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



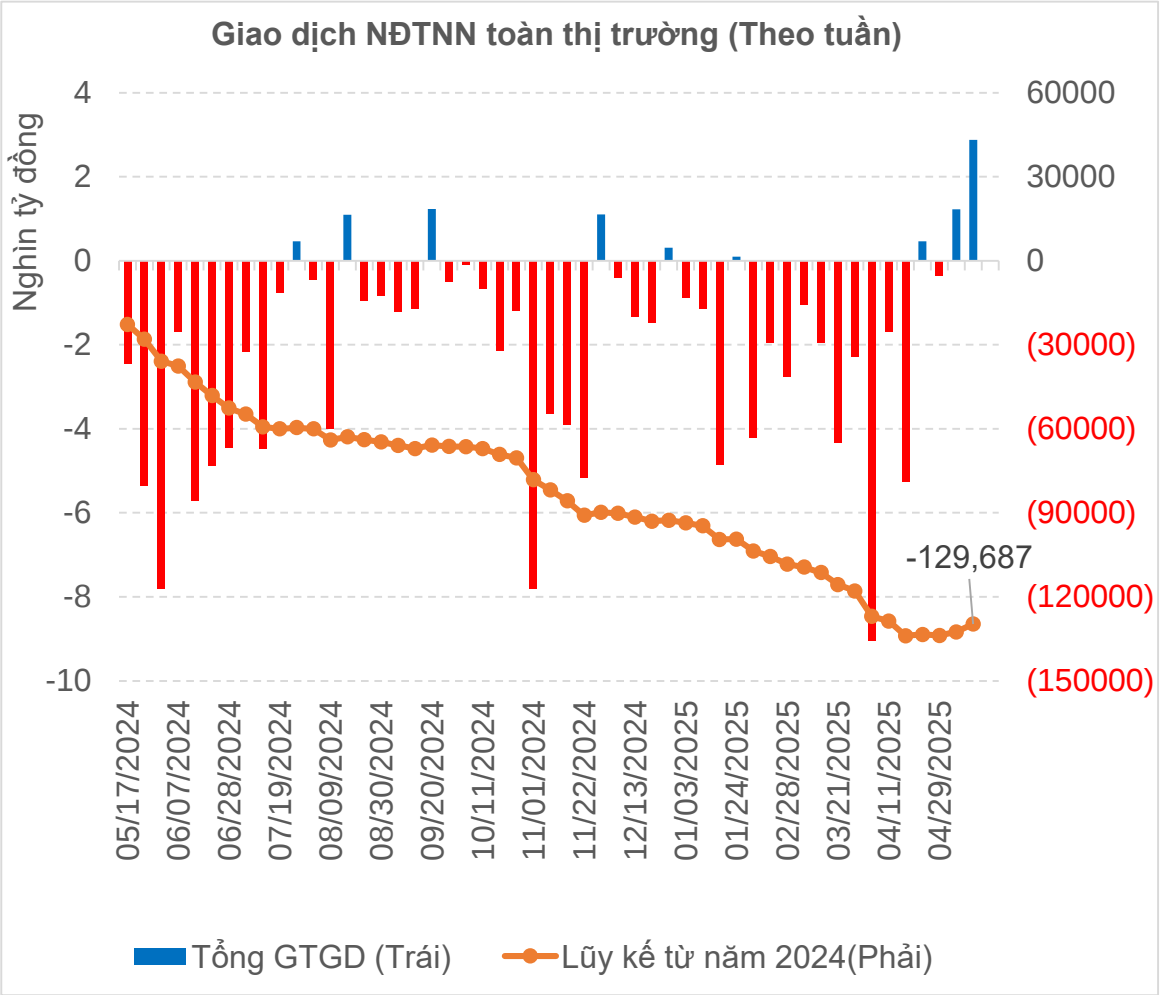
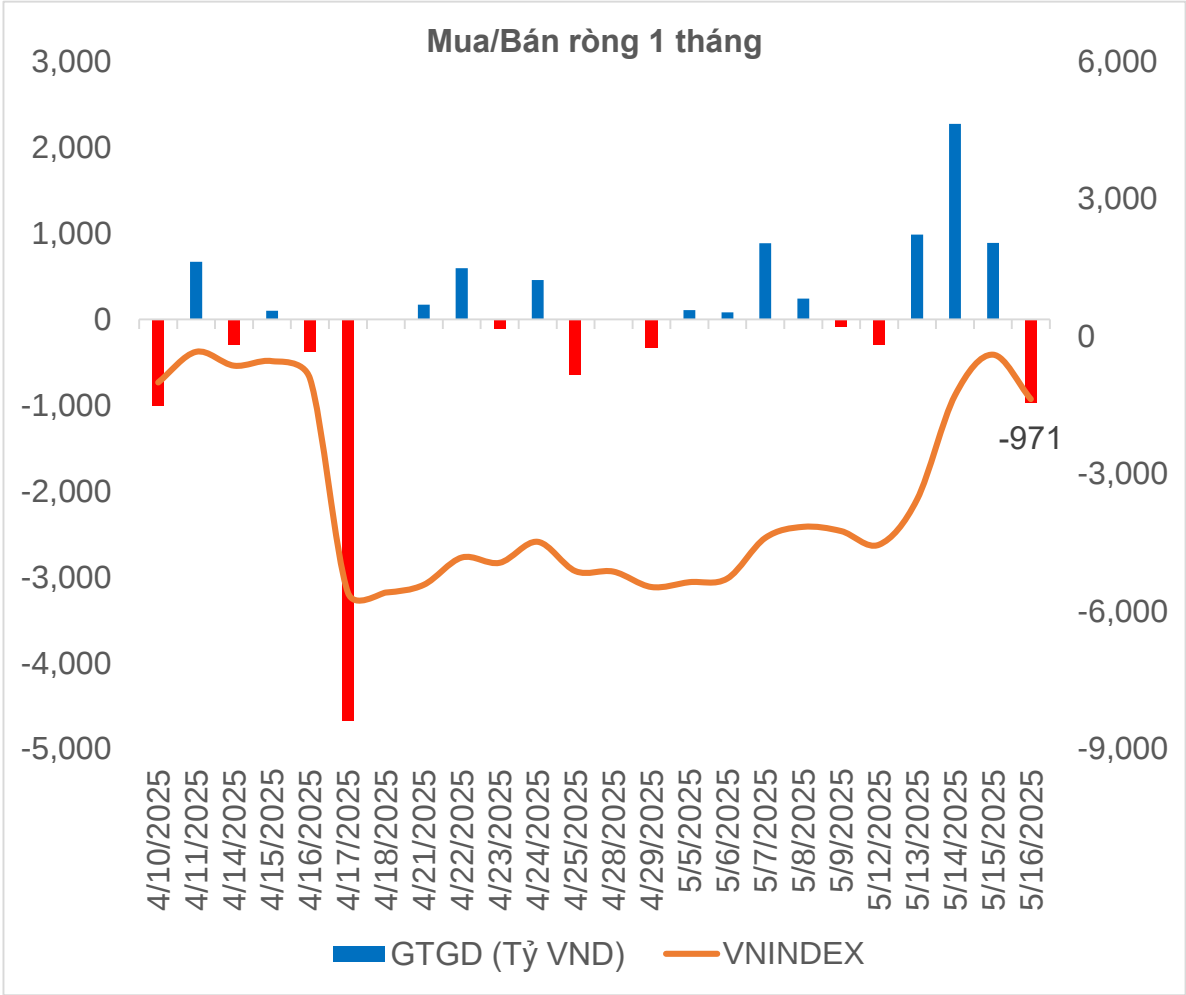
Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)



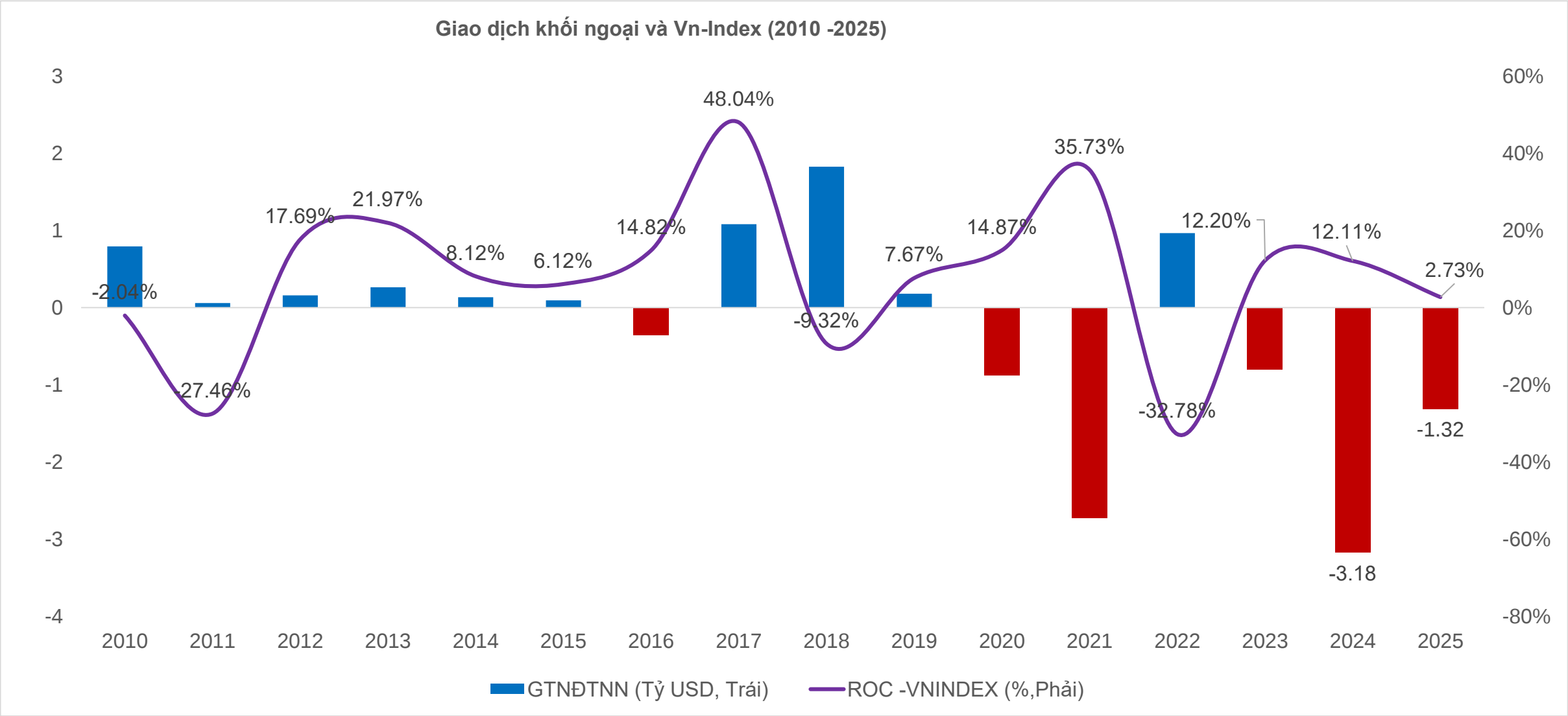
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại mua ròng +2.881 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -37.995 tỷ đồng



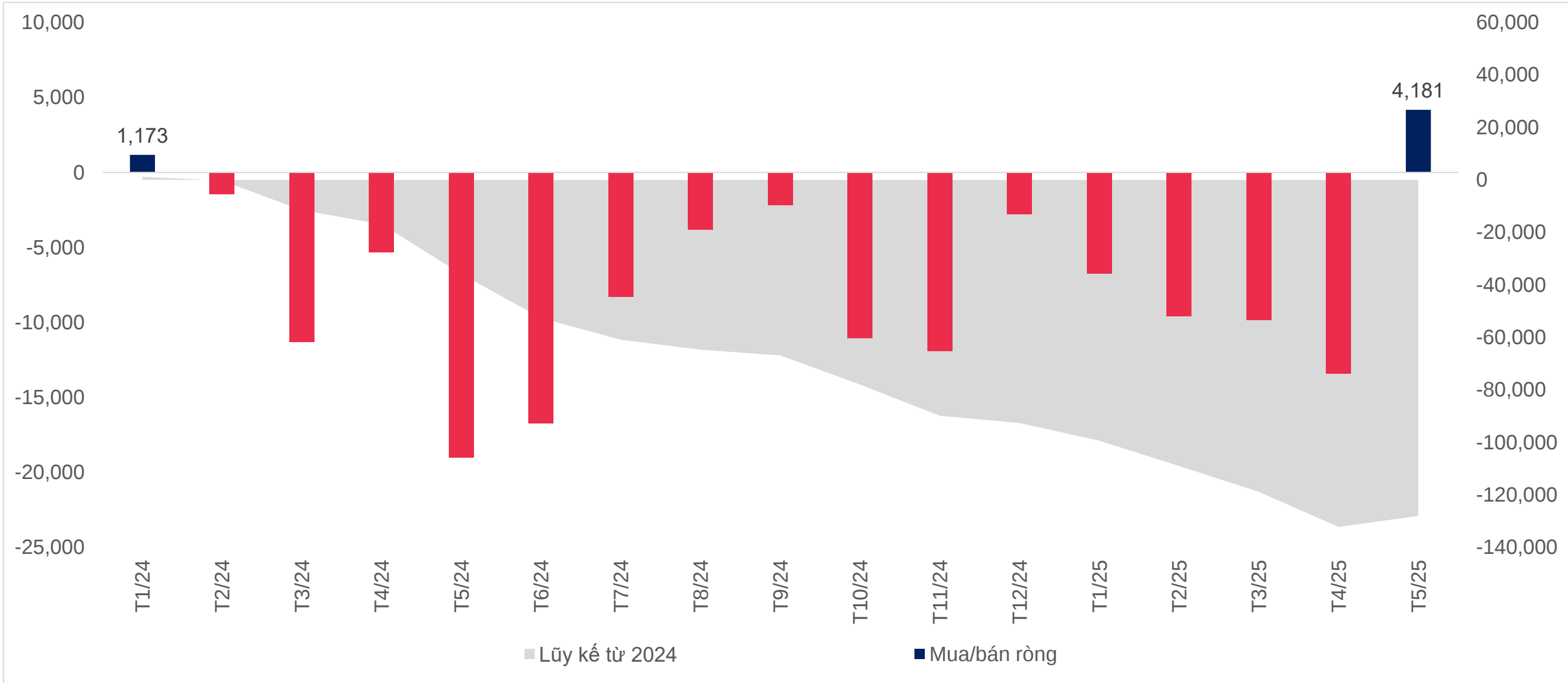
Năm ngoại khối bán ròng kỷ lục 3,2 tỷ USD trên sàn HOSE, kể từ đầu năm nay khối ngoại chỉ còn bán ròng 1,32 tỷ USD



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Tháng 5 đánh dấu tháng đầu tiên khối ngoại quay lại mua ròng kể từ tháng 1/2024 (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Dòng vốn quốc tế đang có dấu hiệu quay trở lại với thị trường Đông Nam Á, Đài Loan và Ấn Độ trong bối cảnh một số đồng tiền Châu Á tăng giá so với đồng USD.

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Mar-25			4,272	8,606	8,606	19,065
India	14-May-25	109	128	1,507	2,778	-10,759	-8,245
Indonesia	15-May-25	102	274	84	-1,149	-2,979	-1,820
Japan	9-May-25		3,020	3,020	29,498	-7,848	-42,435
Malaysia	15-May-25	48	346	526	109	-2,133	-3,039
Philippines	15-May-25	-4	4	47	-8	-217	-348
S. Korea	15-May-25	108	690	910	-6,045	-11,354	-24,509
Sri Lanka	15-May-25	-0.3	-0.2	-2	0	-36	-42
Taiwan	15-May-25	124	2,837	6,826	6,656	-11,634	-35,559
Thailand	15-May-25	-35	-97	-109	-541	-1,713	-3,996
Vietnam	15-May-25	36	150	198	-314	-1,318	-3,238

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)

Country Spot	5 Day	1 Mon	3 Mon	6 Mon	Year-Dt
Malaysian Ringgit(MYR)	0.33	2.87	3.48	4.39	4.33
Indonesian Rupiah(IDR)	0.46	2.34	-1.09	-3.56	-2.06
Thai Baht(THB)	-0.69	0.01	1.12	4.74	2.55
Japanese Yen(JPY)	0.01	-2.39	4.78	6.15	8.15
Singapore Dollar(SGD)	0.05	1.03	3.25	3.45	5.27
Hong Kong Dollar(HKD)	-0.46	-0.67	-0.39	-0.37	-0.59
Chinese Renminbi(CNY)	0.46	1.32	0.73	0.34	1.31
Indian Rupee(INR)	-0.32	0.04	1.38	-1.45	-0.05
Offshore Chinese Renminbi(CNH)	0.51	1.32	0.75	0.46	1.86
Vietnamese Dong(VND)	0.20	-0.30	-2.02	-2.06	-1.69
Taiwanese Dollar(TWD)	0.48	7.80	8.72	7.69	8.75
Philippine Peso(PHP)	-0.30	1.98	3.94	5.57	3.95
South Korean Won(KRW)	0.18	1.45	3.26	0.20	5.47

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

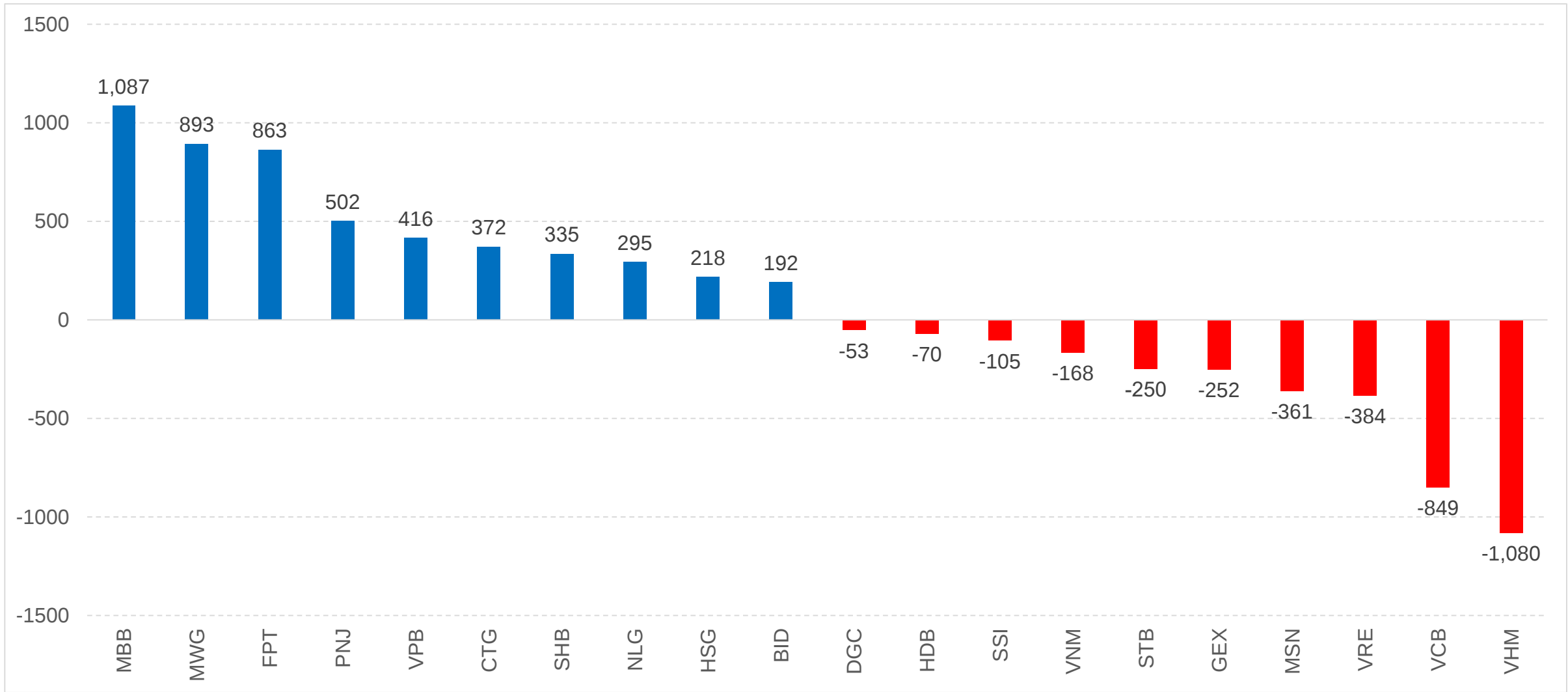
Dòng vốn qua các quỹ ETF cũng có tín hiệu tích cực ở DCVFMVN30

	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	6.21%	11.67%	1.99%	0.00	-25.26	-34.30	-61.44	-119.07
SSIAM VNFIN LEAD ETF	6.44%	4.75%	14.49%	0.09	0.25	-1.16	-2.29	-20.78
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	8.30%	1.26%	-3.59%	0.00	-2.59	-4.78	-11.53	-55.49
DCVFMVN30 ETF Fund	5.90%	3.24%	9.73%	-0.66	5.19	-28.60	-44.64	-82.47
Fubon FTSE Vietnam ETF	-0.17%	0.52%	-2.82%	0.00	-4.90	-95.31	-99.90	-303.25
DCVFMVN Diamond ETF	10.39%	-3.04%	3.83%	-3.39	-9.40	-48.62	-45.11	-128.26
MAFN VN30 ETF	6.33%	3.13%	11.05%	0.06	0.37	0.37	3.40	14.94
KIM Growth VN30 ETF	4.48%	1.45%	7.69%	0.00	0.00	3.09	3.09	36.97

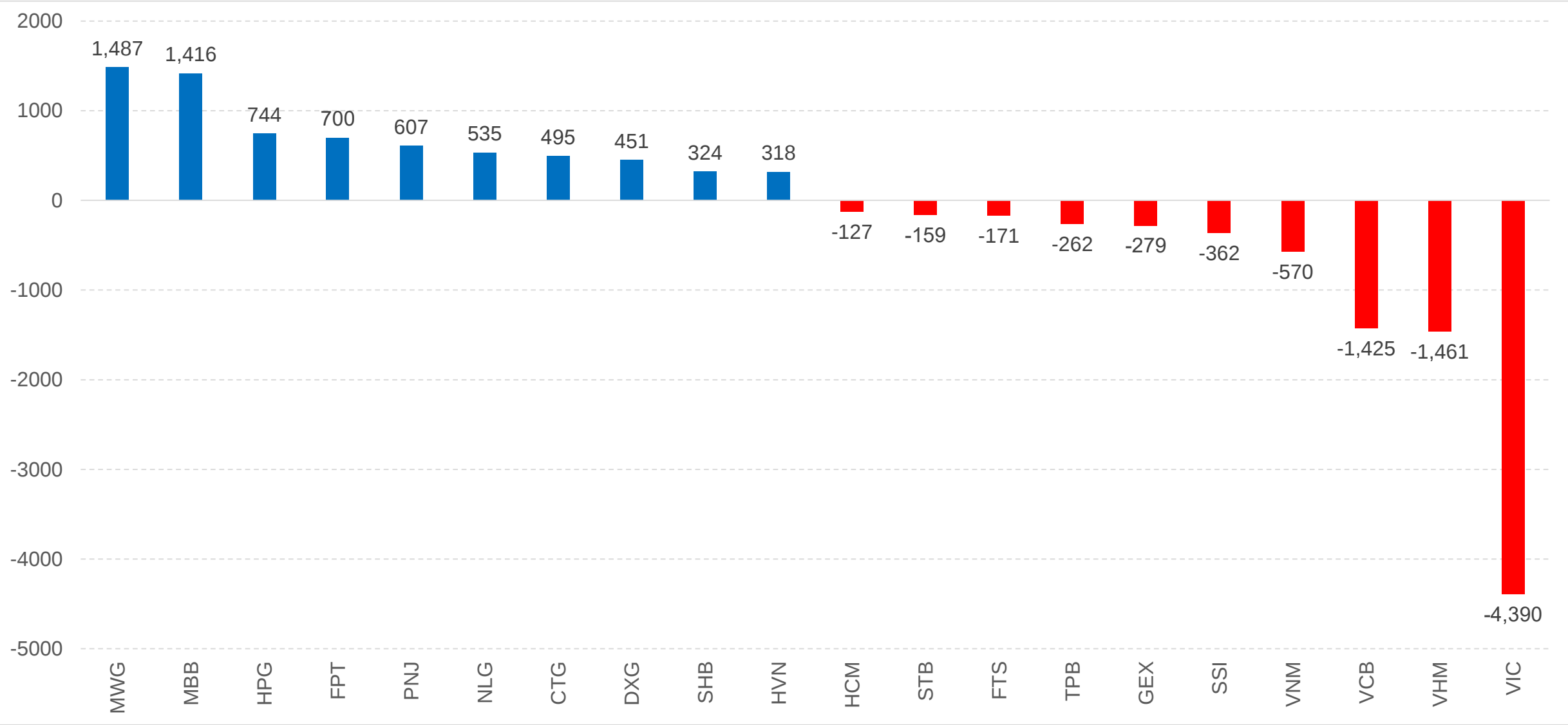
Dòng vốn ETF ở các thị trường lớn khu vực Châu Á

Asset Group (M USD)	1D	1W	1M	3M	YTD	1Y	3Y	5Y
China	48	3,093	38,496	14,401	18,391	113,141	220,170	285,624
Hong Kong	-78	1,547	2,518	1,406	2,155	2,937	30,191	53,444
India	110	282	601	238	-408	6,280	25,178	26,486
Indonesia	0	1	15	133	144	84	-41	103
Japan	1,439	2,288	3,589	11,266	11,660	2,344	36,074	101,878
Malaysia		1	-79	-64	-82	-30	-66	-20
Pakistan			0	-1	-2	-4	11	-2
Philippines			0	2	2	-27	-34	3
Singapore	6	41	-178	-8	30	263	245	1,005
South Korea	24	505	1,645	2,043	4,476	10,721	38,417	38,724
Taiwan	137	571	5,871	11,832	13,847	31,009	46,984	59,645
Vietnam	-1	-11	-118	-236	-258	-770	-134	460
Thailand	3	3	-30	-11	-8	-52	-166	-11
ASEAN Countries		-4	-16	-86	-58	204	333	354
Asian Pacific Region	-9	-15	39	22	-51	-1,177	-835	2,381
Asian Pacific Region ex Japan	-71	-54	249	1,463	1,579	-1,390	-7,629	8,463
Greater China	88	209	656	1,225	1,154	1,663	2,650	-51
South East Asia Region	0	-2	-3	-65	-46	254	288	286

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)



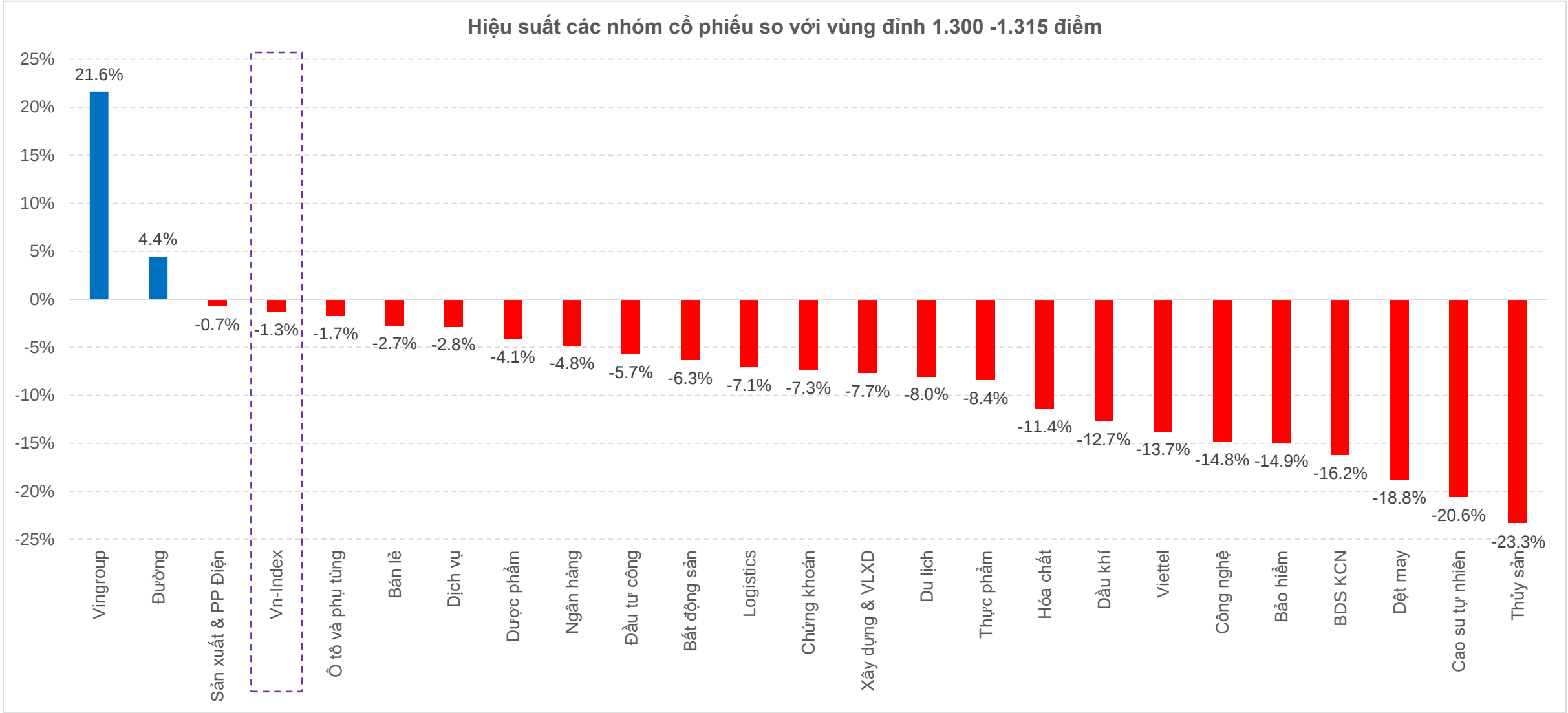
Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/16/2025	05/09/2025	04/29/2025	04/25/2025	04/18/2025
Dầu khí	-14.1%	142.0%	-48.4%	-14.8%	-25.5%
Ngân hàng	91.4%	27.7%	-45.4%	13.2%	-42.8%
Chứng khoán	58.8%	41.8%	-56.7%	-6.2%	-4.9%
Bất động sản	-10.2%	60.8%	-35.7%	20.5%	-20.6%
Dệt may	11.6%	44.1%	-35.4%	-4.2%	-15.0%
Bán lẻ	53.8%	3.7%	-26.7%	3.1%	-10.4%
Vingroup	28.9%	-21.6%	-27.1%	15.0%	11.0%
Xây dựng & VLXD	81.1%	30.2%	-49.9%	-15.4%	-17.7%
Thực phẩm	39.2%	-18.1%	-23.2%	7.9%	-35.4%
Thủy sản	42.2%	12.0%	-22.1%	-6.9%	-2.2%
Logistics	0.2%	-21.5%	30.3%	-14.1%	90.7%
Dược phẩm	-8.8%	55.4%	-5.0%	27.5%	-51.3%
Sản xuất & PP Điện	7.6%	145.9%	-48.2%	9.6%	-37.8%
Đầu tư công	28.0%	89.8%	-60.8%	-3.7%	23.1%
Hóa chất	9.7%	73.4%	-38.3%	-11.6%	-3.3%
Cao su tự nhiên	5.8%	50.1%	-45.9%	-11.2%	-22.3%
Bảo hiểm	-25.7%	144.6%	-59.3%	24.7%	-27.8%
Ô tô và phụ tùng	30.9%	62.6%	-26.0%	4.9%	-29.0%
Dịch vụ	-15.7%	47.0%	-28.4%	-31.5%	52.3%
BDS KCN	5.2%	85.0%	-47.4%	-23.3%	10.8%
Viettel	11.1%	17.3%	-33.5%	42.7%	-17.2%
Du lịch	2.2%	16.9%	-0.9%	-22.2%	-55.8%
Công nghệ	29.4%	132.1%	-48.2%	-36.0%	-22.4%
Đường	8.0%	-6.7%	-18.8%	-25.2%	-46.7%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	05/16/2025	05/09/2025	04/29/2025	04/25/2025	04/18/2025
Dầu khí	1.8%	3.0%	1.6%	1.8%	2.2%
Ngân hàng	29.3%	21.3%	21.9%	23.8%	21.0%
Chứng khoán	14.0%	12.3%	11.4%	15.6%	16.6%
Bất động sản	8.1%	12.7%	10.3%	9.5%	7.9%
Dệt may	0.6%	0.7%	0.7%	0.6%	0.6%
Bán lẻ	5.0%	4.5%	5.7%	4.6%	4.5%
Vingroup	7.7%	8.4%	14.0%	11.4%	9.9%
Xây dựng & VLXD	6.8%	5.2%	5.3%	6.3%	7.4%
Thực phẩm	3.6%	3.6%	5.8%	4.5%	4.2%
Thủy sản	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.6%
Logistics	2.1%	3.0%	5.0%	2.3%	2.6%
Dược phẩm	0.2%	0.4%	0.3%	0.2%	0.1%
Sản xuất & PP Điện	1.6%	2.0%	1.1%	1.2%	1.1%
Đầu tư công	2.5%	2.7%	1.9%	2.8%	2.9%
Hóa chất	3.1%	3.9%	2.9%	2.8%	3.2%
Cao su tự nhiên	0.3%	0.4%	0.3%	0.4%	0.4%
Bảo hiểm	0.2%	0.4%	0.2%	0.3%	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.8%	0.9%	0.7%	0.6%	0.6%
Dịch vụ	1.0%	1.6%	1.5%	1.2%	1.8%
BDS KCN	2.9%	3.9%	2.8%	3.1%	4.0%
Viettel	1.1%	1.4%	1.6%	1.4%	1.0%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.1%	0.0%	0.0%
Công nghệ	6.2%	6.7%	3.8%	4.4%	6.8%
Đường	0.3%	0.3%	0.5%	0.3%	0.5%

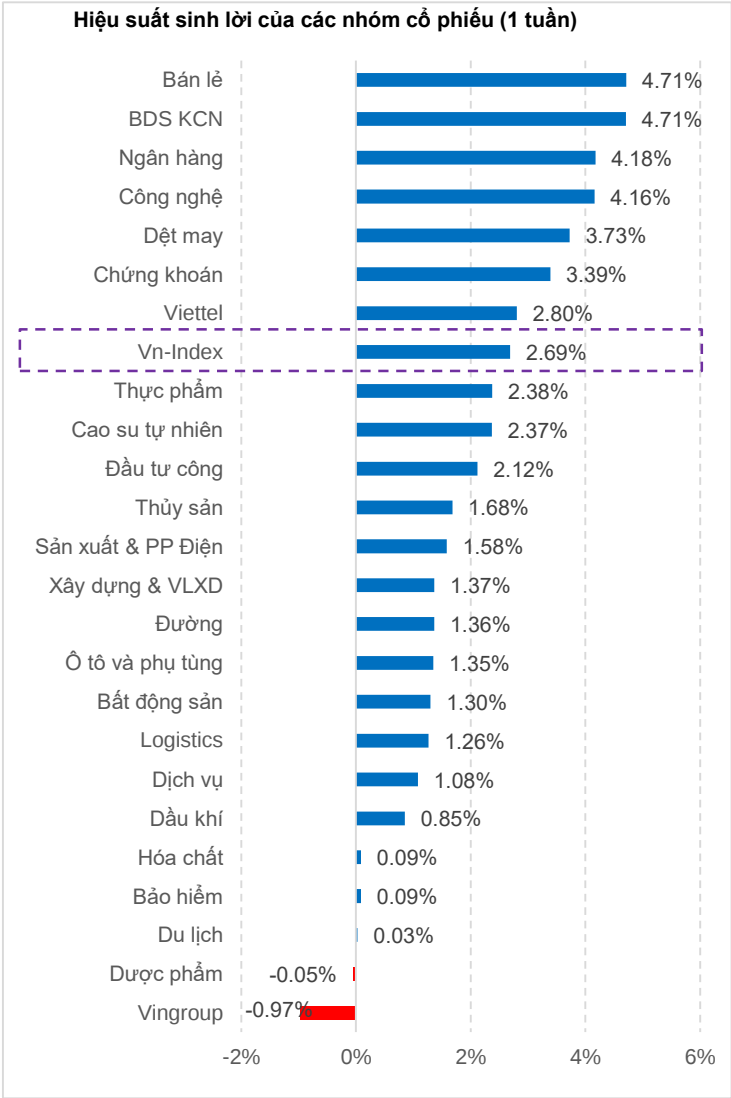
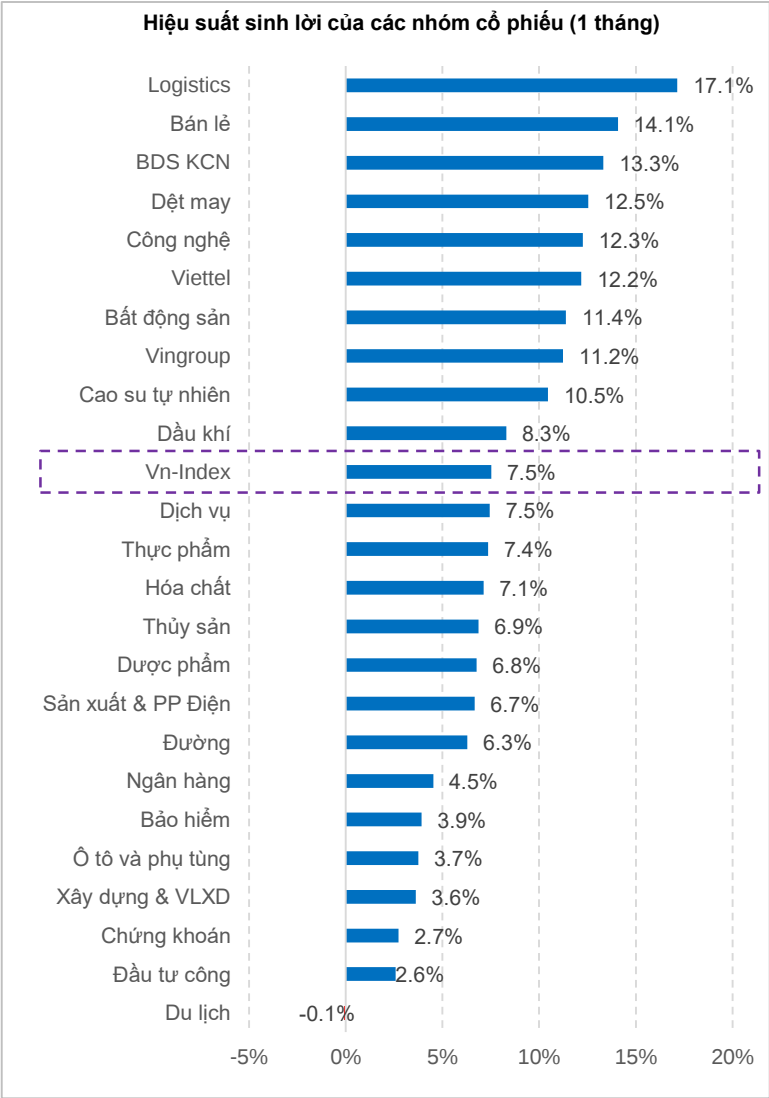
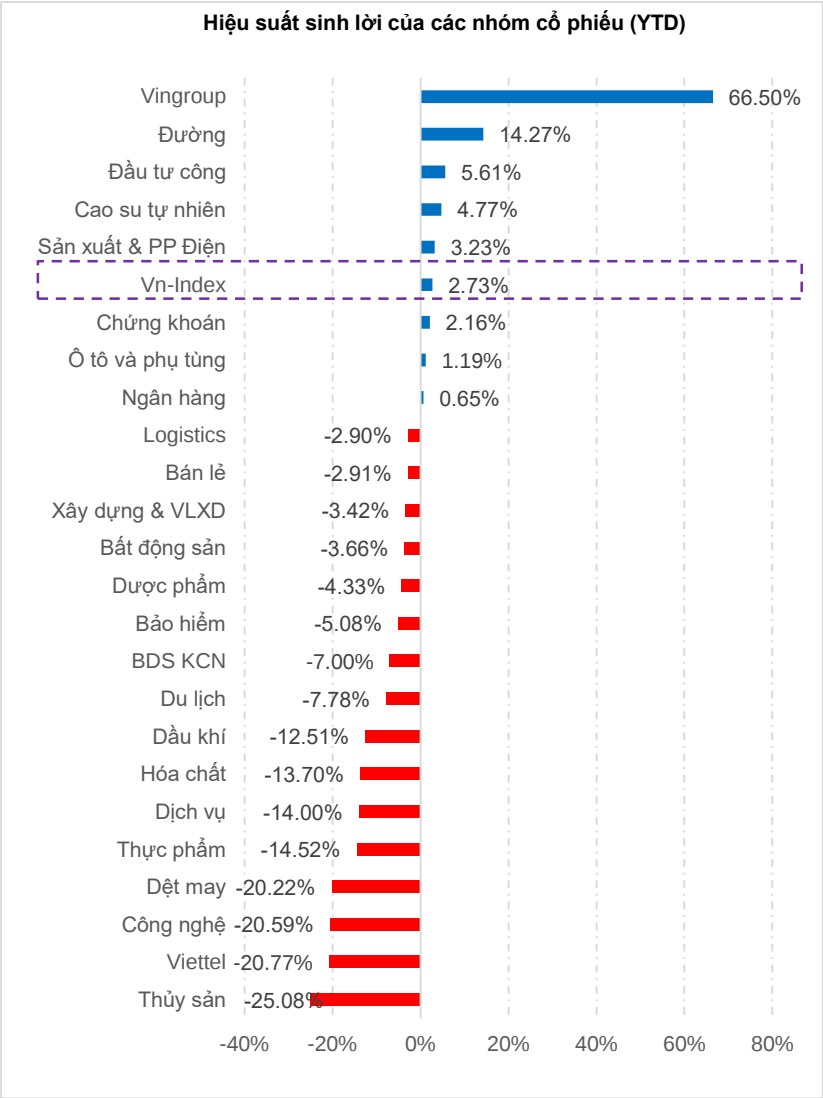
Ngoại trừ nhóm Vingroup, sản xuất đường, hiện có rất ít nhóm cổ phiếu theo kịp mức hồi của chỉ số Vn-Index



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

STT	MCK	Giá đóng cửa (16/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
	VNINDEX	1301.39	2.69	7.53	2.73	
1	SHB	13.45	4.26	12.08	45.58	1,282,804
2	FPT	121.00	4.31	12.14	-20.66	1,202,174
3	VPB	18.05	9.06	10.36	-3.43	1,126,167
4	MBB	24.65	4.89	7.64	13.03	1,035,640
5	HPG	25.80	0.58	1.18	-3.19	887,896
6	TCB	29.45	6.70	14.15	19.47	885,133
7	VHM	58.00	-6.75	2.65	45.00	729,978
8	MWG	63.80	5.63	12.32	4.59	669,642
9	VIX	13.05	4.82	4.82	32.49	652,117
10	SSI	23.70	3.27	3.04	-9.02	646,091
11	VIC	80.00	4.58	17.82	97.29	635,589
12	STB	39.80	0.13	4.33	7.86	606,577
13	MSN	62.50	-0.48	10.82	-10.71	551,380
14	VCB	57.50	1.59	-3.04	-5.67	508,398
15	CTG	39.00	4.14	4.84	3.17	395,370

STT	MCK	Giá đóng cửa (16/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
16	ACB	25.45	5.38	4.73	-1.36	394,508
17	VCI	37.55	3.30	2.04	13.92	381,625
18	VRE	24.50	-2.00	20.10	42.86	356,190
19	HCM	26.40	3.92	3.92	-7.20	309,270
20	GEX	29.35	2.71	26.10	64.39	278,076
21	HDB	21.95	3.54	6.30	-13.92	277,317
22	VNM	56.20	0.85	3.91	-8.22	273,986
23	VCG	21.85	2.58	-2.46	20.39	273,109
24	TPB	13.60	3.84	12.66	-12.38	253,297
25	BID	36.60	4.27	1.67	-2.53	251,293
26	NVL	12.15	-1.22	29.67	18.54	229,738
27	VND	15.20	2.01	0.00	20.63	226,216
28	EIB	19.45	1.83	7.46	0.78	222,275
29	DBC	28.50	1.79	9.83	2.70	222,058
30	DGC	91.90	0.22	4.91	-21.18	215,334

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phần

STT	MCK	Giá đóng cửa (16/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
	VNINDEX	1301.39	2.69	7.53	2.73	
31	TCH	18.15	2.83	10.33	19.80	203,727
32	LPB	36.50	5.80	11.79	16.80	195,995
33	DXG	16.55	2.16	18.64	10.67	195,849
34	GMD	53.90	1.70	25.35	-17.33	192,604
35	HSG	16.45	10.40	21.40	-8.23	189,691
36	PNJ	81.00	6.02	18.08	-16.75	189,113
37	CII	13.30	-0.75	12.24	-4.66	186,019
38	KBC	25.85	6.82	25.49	-4.96	185,530
39	MSB	11.75	3.98	8.29	0.86	174,606
40	FTS	36.20	5.51	3.48	-4.36	159,643
41	DIG	15.75	2.27	3.62	-16.67	158,933
42	GVR	27.70	3.94	17.87	-8.73	154,029
43	VSC	21.50	-6.93	27.98	35.22	152,202
44	VIB	18.30	4.27	4.54	-3.42	137,143

STT	MCK	Giá đóng cửa (16/05)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
45	POW	12.90	1.18	8.40	7.50	134,623
46	HHS	13.20	6.88	25.71	77.90	131,247
47	PDR	16.50	-0.90	0.00	-20.29	131,066
48	NLG	33.95	6.93	19.54	-7.11	127,162
49	EVF	9.90	2.17	10.99	8.79	125,428
50	VPI	49.00	-5.77	-13.43	-18.06	125,119
51	NKG	12.85	4.05	8.90	-11.07	118,897
52	HAG	13.30	2.31	6.40	10.37	114,733
53	VTP	120.10	5.07	20.10	-12.27	114,195
54	BAF	34.55	0.44	9.68	22.95	112,451
55	VJC	90.00	0.56	5.39	-10.00	109,595
56	HAH	66.10	-1.05	14.16	33.54	105,027
57	CTD	81.00	3.18	5.74	17.90	100,683

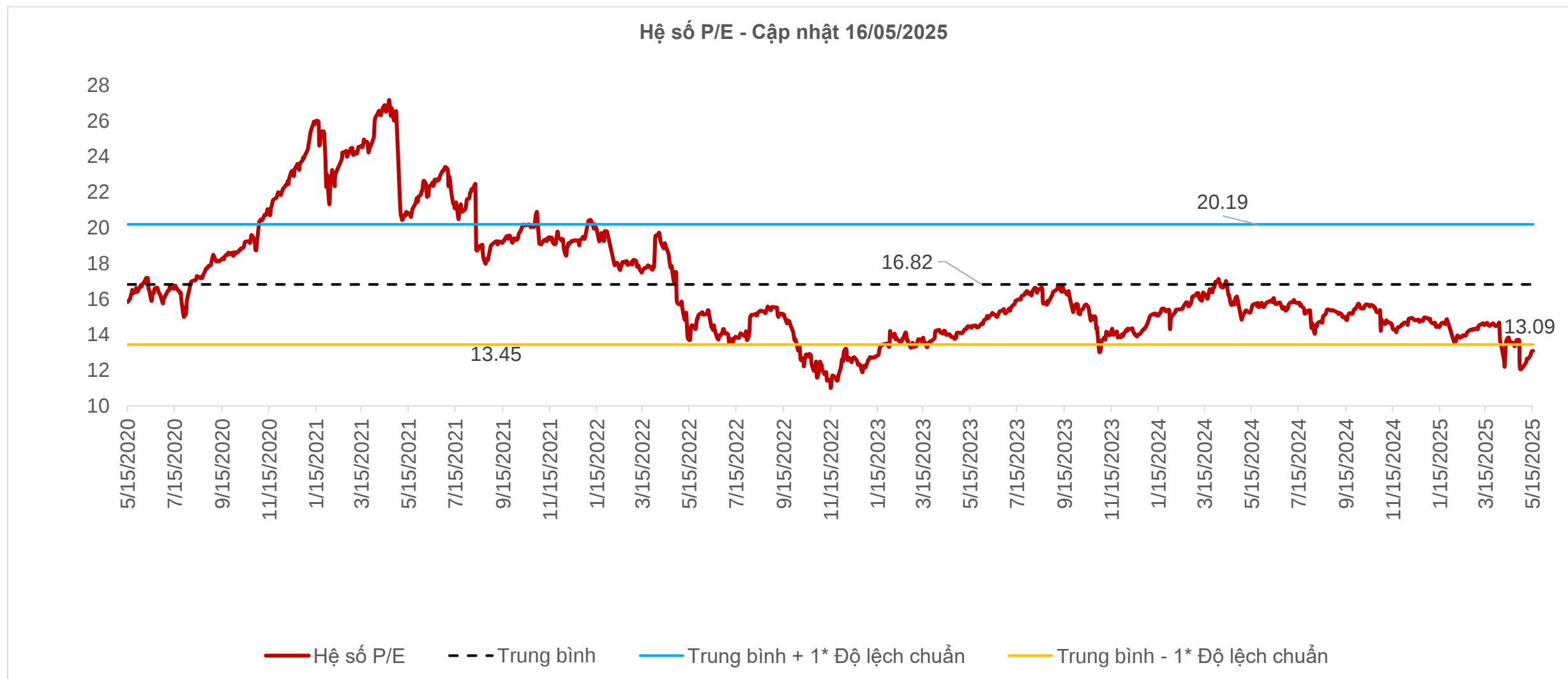
Chỉ số Vn-Index đã lấy lại gần hết thiệt hại đã mất kể từ đầu tháng 4, thậm chí Vn30 đang ở vùng tương đương Vn-Index ở 1.340 điểm

Kịch bản cơ sở, áp lực chốt lời khiến chỉ số Vn-Index kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.265- 1.270 điểm trong khi chờ tin thuế quan, vùng kháng cự ở khu vực 1.315 điểm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường giảm điểm trong tháng 4 khá cao với 3 năm giảm liên tiếp

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	6.12							
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

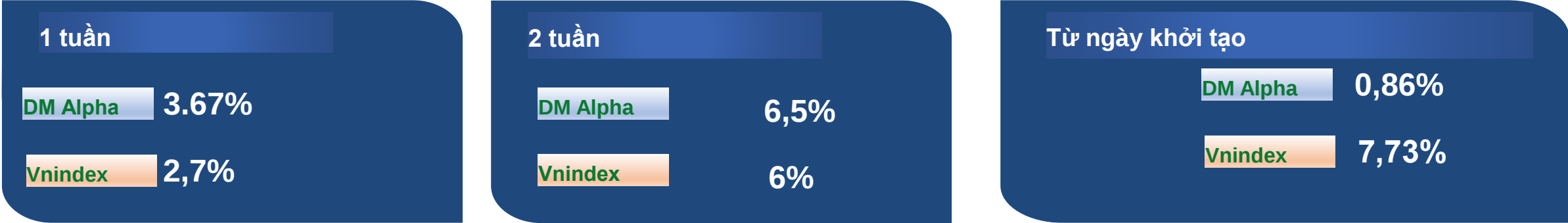
Nguồn: Bloomberg

👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2924

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	VCG	21,600	4/25/2025	25,000	20,300	15.74%	-6.02%	14	5/16/2025	21,850	1.16%
2	CTG	37,200	4/24/2025	42,000	35,000	12.90%	-5.91%	15	5/16/2025	39,000	4.84%
3	MWG	60,000	5/8/2025	78,000	56,500	30.00%	-5.83%	5	5/16/2025	63,800	6.33%
4	FPT	114,000	5/8/2025	130,000	102,000	14.04%	-10.53%	5	5/16/2025	121,000	6.14%
5	FRT	172,000	5/5/2025	202,000	163,000	17.44%	-5.23%	7	5/16/2025	171,800	-0.12%

CTG Việc giảm nhẹ trích lập dự phòng và phục hồi mạnh hơn của thu nhập ngoài lãi trong sẽ thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025. Mặc dù chi phí trích lập dự báo không tang mạnh trong giai đoạn 2025/2026, chất lượng tài sản vẫn sẽ được cải thiện nhờ đẩy mạnh thu hồi nợ xấu. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với CTG với giá mục tiêu mới là 52,100 VND/cp, nhờ điều chỉnh tăng P/B mục tiêu lên 1.5x nhờ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong 2 năm t

VCG VCG được hưởng lợi đáng kể trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công dự kiến tăng trưởng 14% và ngành xây dựng dân dụng có triển vọng phục hồi tốt. Backlog mảng xây dựng dự kiến đạt mức 19,486 (+8% svck) nhờ trúng thầu tại các dự án lớn như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc - Nam và đường Vành đai 3.5 (HN).
- Đối với mảng BĐS, triển vọng khả quan nhờ khả năng bán 1 phần dự án Cát Bà (hiện tại đang đàm phán với 1 số đối tác) và mở bán dự án Móng Cái , Bạch Mai. Nhờ đó, LN mảng BĐS dự kiến tăng trưởng 20% svck.
- Định giá ở mức hấp dẫn: Hiện tại PE forward của DN khoảng 9.5 (thấp hơn mức trung bình 11 trong 3 năm gần đây)

MWG Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể:
(1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.

FPT Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng.
Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động.
Duy trì khuyến nghị **Khả quan** với giá mục tiêu 146,700 đ

FRT Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26. Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu.
Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng